



BÁO CÁO 
THƯỜNG NIÊN 2013

GIEO GIỐNG TỐT - GẶT MÙA VÀNG

NỘI DUNG



THÔNG ĐIỆP	<i>Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị</i>	04
TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY	<i>Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi</i>	10
	<i>Quá trình hình thành phát triển</i>	12
	<i>Các lĩnh vực hoạt động</i>	13
	<i>Thành tích nổi bật</i>	14
	<i>Sơ đồ tổ chức</i>	16
	<i>Nhân sự chủ chốt</i>	18
	<i>Mạng lưới hoạt động</i>	23
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2013	<i>Các chỉ tiêu tài chính nổi bật 2013</i>	27
	<i>Báo cáo của Hội đồng Quản trị</i>	30
	<i>Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc</i>	34
	<i>Giới thiệu Công ty con</i>	40
BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	<i>Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị</i>	44
	<i>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát</i>	48
	<i>Báo cáo Quản trị rủi ro</i>	50
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	<i>Cơ cấu quản trị của VINASEED về phát triển bền vững</i>	57
	<i>Cam kết của Công ty</i>	57
	<i>Các hoạt động phát triển bền vững</i>	58
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	<i>Chiến lược phát triển giai đoạn 2014-2016</i>	62
	<i>Kế hoạch 2014</i>	65
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013	<i>Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc</i>	68
	<i>Báo cáo kiểm toán độc lập</i>	70
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	72
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	74
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>	75
	<i>Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất</i>	76
THÔNG TIN KHÁC	<i>Thông tin Cổ đông và Quản trị Công ty</i>	100
	<i>Thông tin Doanh nghiệp</i>	103
	<i>Thông tin liên hệ</i>	103

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

// Với định hướng chiến lược đúng đắn, với đội ngũ nhân lực có trình độ công nghệ và một môi trường làm việc chuyên nghiệp, với khát vọng được đóng góp cho xã hội bằng các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, VINASEED sẽ tiếp tục phát triển một cách bền vững, gia tăng giá trị tích lũy cho nhà đầu tư và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng. //

Kính thưa Quý vị,

Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn đối với các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp - một lĩnh vực chiếm tới 67% dân số nhưng năng lực cạnh tranh còn thấp, và các doanh nghiệp trong ngành này cũng là đối tượng dễ bị tổn thương nhất trong quá trình hội nhập.

Năm 2013, thiên tai đã gây ảnh hưởng nặng nề cho nông nghiệp. Cùng với đó, sức mua và khả năng thanh toán suy giảm nghiêm trọng đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành nông nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương nói riêng. Tuy nhiên, với sự năng động, sáng tạo và khả năng thích nghi tốt với sự thay đổi, trong năm 2013, công ty đã hoàn thành toàn diện tất cả các mục tiêu đã cam kết với Quý Cổ đông: Doanh thu đạt 598 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2012; Lợi nhuận sau thuế đạt 96 tỷ đồng, bằng 123% so với cùng kỳ năm trước; Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 9.518 VNĐ/CP, tăng 23% so với cùng kỳ; Trả cổ tức 30% bằng tiền mặt.

Năm 2013 cũng là năm công ty xây dựng nền tảng quan trọng cho giai đoạn phát triển trong những năm

tiếp theo. Theo đó, công ty tập trung đầu tư cho nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học nhằm tạo ra nhiều sản phẩm có ưu thế cạnh tranh về năng suất, chất lượng và có khả năng chống chịu tốt với biến đổi khí hậu toàn cầu. Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc về tổ chức, nâng cao công tác quản trị toàn diện, đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp để từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.

Cùng với hoạt động phát triển sản xuất kinh doanh, tái cấu trúc tổ chức, các hoạt động mở rộng thị trường kinh doanh tại miền nam, xuất khẩu hạt giống sang Campuchia và nam Trung Quốc đã mở ra cơ hội tăng trưởng mạnh cho công ty trong những năm sắp tới.

Những nỗ lực và thành quả công ty đạt được trong năm 2013 đã được các tổ chức trong nước và quốc tế đánh giá cao khi VINASEED được Forbes Asia vinh danh là một trong 200 công ty có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á, được TW Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và TW Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam vinh danh Top 100 Sao vàng Đất Việt, xếp hạng 14 trong TOP 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam trong



3 năm liên tục từ 201 - 2013, TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2013, và nhiều giải thưởng cao quý khác.

Thưa Quý vị,

Năm 2014, nền kinh tế được nhận định vẫn chưa thể khởi sắc. Chính phủ vẫn duy trì mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát ở mức thấp, thị trường nông sản, hàng hóa đứng trước nhiều khó khăn. Đáng chú ý, lĩnh vực sản xuất lúa gạo được dự báo sẽ đối mặt với khó khăn rất lớn vì sức mua thấp, do chính phủ Thái Lan dự kiến giải quyết lúa gạo tồn kho với giá thấp trong 4 năm tới.

Trong hoàn cảnh đó, VINASEED vẫn đặt ra các mục tiêu kinh doanh thách thức, và sẽ nỗ lực cao nhất để hoàn thành mục tiêu này.

Năm 2014, VINASEED đánh dấu chặng đường 10 năm đổi mới và phát triển. Đây cũng là năm đầu tiên công ty thực hiện chiến lược kinh doanh giai đoạn 2014 -2016 nhằm đưa công ty vươn lên tầm cao mới, một giai đoạn sẽ chứng kiến sự thay đổi cả về quy mô và chất lượng tăng trưởng, với mong muốn đưa VINASEED trở thành thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực giống cây trồng tại Việt Nam.

Đón chào dấu mốc kỷ niệm 10 năm, cho dù nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, nhưng công ty đang đứng trước cơ hội lớn khi chính sách vĩ mô tạo mọi điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn mới với việc tái cấu trúc ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa và gia tăng giá trị tích lũy. Việc chính phủ đã ban hành hàng loạt chính sách ưu đãi đầu tư, tín dụng và hỗ trợ về thuế... cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này sẽ mở ra cơ hội rất tốt cho VINASEED đầu tư, phát triển và mở rộng quy mô. Hiện nay, chúng tôi đã có đủ nguồn lực để khai thác hiệu quả cơ hội này khi công ty là doanh nghiệp khoa học công nghệ, có uy tín, có tiềm lực về tài chính và đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, hệ thống khách hàng rộng khắp cả nước và tại các nước lân cận.

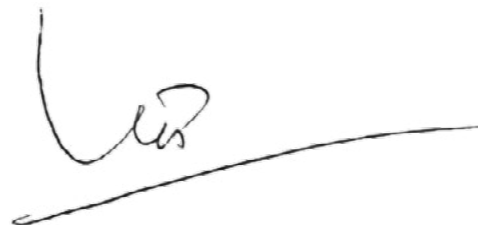
Với định hướng chiến lược đúng đắn, với đội ngũ nhân lực có trình độ công nghệ và một môi trường làm việc chuyên nghiệp, với khát vọng được đóng góp cho xã

hội bằng các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, VINASEED sẽ tiếp tục phát triển một cách bền vững, gia tăng giá trị tích lũy cho nhà đầu tư và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng.

Cuối cùng, tôi xin cảm ơn sự nỗ lực phấn đấu, sự tâm huyết của đội ngũ cán bộ của VINASEED, những con người luôn nuôi dưỡng khát vọng xây dựng công ty trường tồn và liên tục phát triển, xin gửi lời tri ân sâu sắc tới Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Quý Đối tác đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi cả trong những lúc thuận lợi cũng như khi khó khăn. Niềm tin và sự đồng hành của Quý vị là động lực giúp công ty chinh phục những đỉnh cao mới, thực hiện đúng các cam kết với Quý Cổ đông, góp phần xây dựng xã hội phồn vinh, và mang lại các giá trị tốt đẹp cho cộng đồng.

Trân trọng cảm ơn Quý vị,

Hà Nội ngày 15/4/2014



Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc





TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

NĂNG ĐỘNG SÁNG TẠO CHUYÊN NGHIỆP

TÂM NHÌN

VINASEED phấn đấu trở thành công ty dẫn đầu về uy tín, chất lượng sản phẩm, đặt mục tiêu phát triển thành Tập đoàn giống cây trồng hàng đầu của Việt Nam.

SỨ MỆNH

VINASEED cam kết mang đến cho nền nông nghiệp Việt Nam các loại giống cây trồng có chất lượng tốt nhất bằng tất cả tình cảm, trách nhiệm của mình đối với cuộc sống của con người và xã hội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Năng động: Trong điều kiện hội nhập trở thành xu thế tất yếu và khoa học kỹ thuật là động lực để thúc đẩy xã hội phát triển, chúng tôi không ngừng nỗ lực tạo sự khác biệt trong sản phẩm và dịch vụ để thích nghi với sự thay đổi của xã hội và làm cơ sở nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty.

Sáng tạo: Nhận thức rõ sáng tạo là động lực để phát triển công ty, chúng tôi luôn khuyến khích và tạo môi trường cho nhân viên đưa ra các giải pháp sáng tạo và đột phá, không ngừng thử nghiệm những ý tưởng mới, độc đáo nhằm phát triển nông nghiệp bền vững theo hướng công nghệ cao, gia tăng giá trị hạt giống cây trồng theo hướng tích hợp và đổi mới công nghệ.

Chuyên nghiệp: Với khẩu hiệu *“Dẫn đầu bằng tinh chuyên nghiệp”*, chúng tôi luôn nỗ lực tối ưu hóa mọi hoạt động của công ty thông qua việc tập trung vào lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính; Tạo ra sự hoàn chỉnh về chất lượng và hiệu quả công việc; Xây dựng hệ thống quản trị tuân thủ theo các chuẩn mực quốc tế, minh bạch, đồng bộ và nhất quán; Quản trị đội ngũ nhân sự với tác phong làm việc công nghiệp, khoa học và kỷ cương, không ngừng nỗ lực học hỏi, có ý thức trách nhiệm và tinh thần hợp tác.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH



LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- NGHIÊN CỨU, CHỌN TẠO, SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CÁC LOẠI GIỐNG CÂY TRỒNG NÔNG, LÂM NGHIỆP
- SẢN XUẤT, KINH DOANH, XUẤT NHẬP KHẨU CÁC LOẠI NÔNG SẢN VÀ VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP
- KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN.



THÀNH TÍCH NỔI BẬT



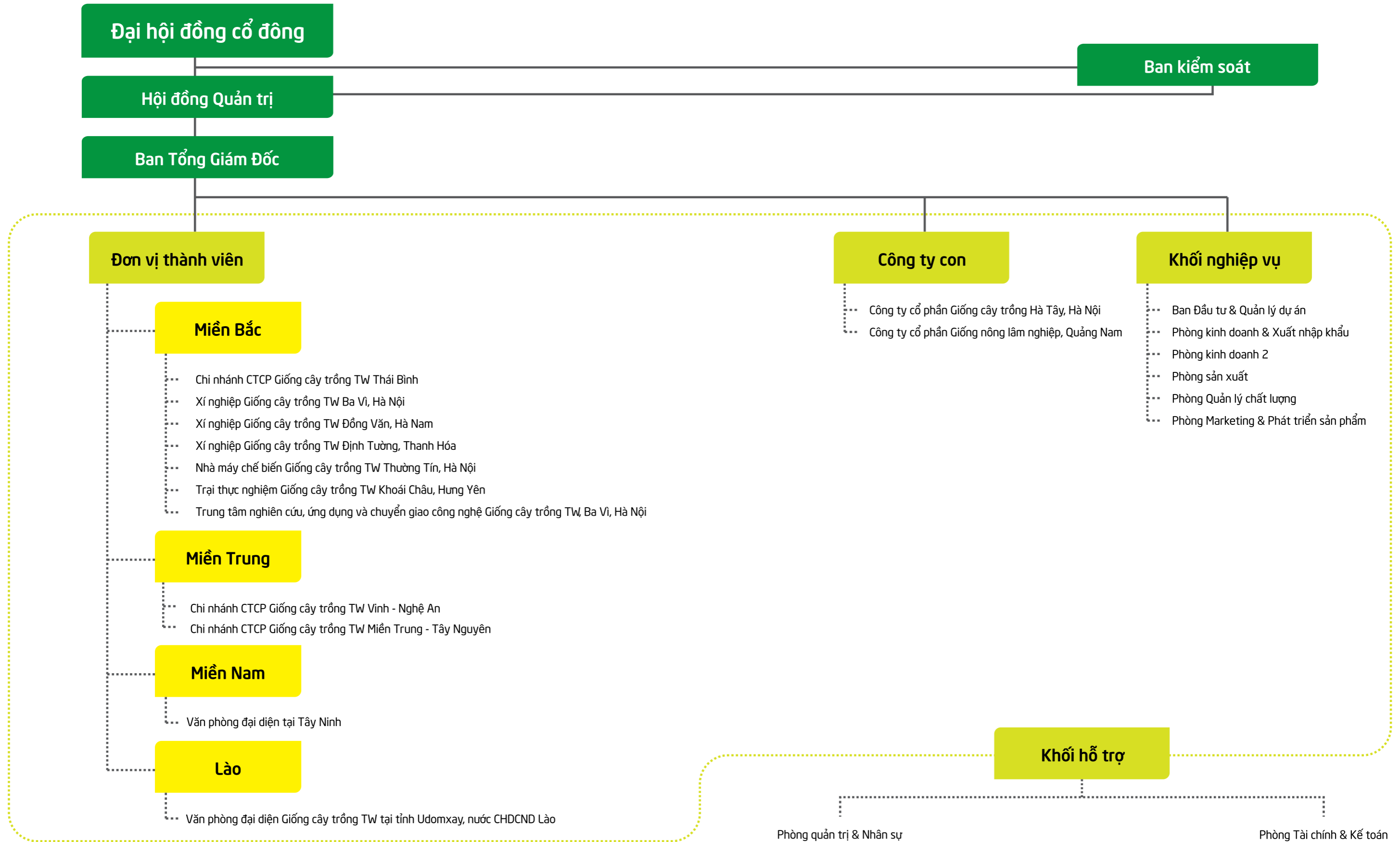
Giải thưởng tiêu biểu 2013

1. Được Forbes Asia lựa chọn là một trong 200 công ty có doanh thu dưới 1 tỷ USD tốt nhất Châu Á năm 2013.
2. Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2012, 2013 (Fast 500) do Vietnam Report phối hợp cùng báo Vietnamnet thực hiện.
3. Xếp hạng 14 trong TOP 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam giao đoạn 2010-2012 do Tạp chí Nhịp cầu đầu tư phối hợp cùng công ty Chứng khoán Thiên Việt bình chọn.
4. Giải thưởng Sao vàng đất Việt 2013 - TOP100 Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam do Trung ương Hội liên hiệp Việt Nam phối hợp với Trung ương hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam tổ chức.
5. Thương hiệu nổi tiếng ASIAN 2013 do Bộ Thông tin - Văn hóa Lào, Bộ Công thương - Lào, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, Bộ Công thương Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Hội Phát triển hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia tổ chức trao tặng.
6. Giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam lần thứ I năm 2013 do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.

Các giải thưởng khác

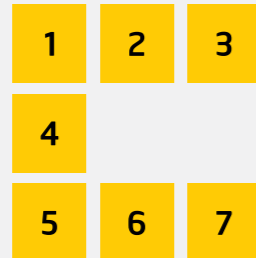
- ▶ Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng do có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2004 đến năm 2008, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.
- ▶ Cờ thi đua Chính phủ trao tặng cho công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2011.
- ▶ Bằng Khen của Thủ tướng chính phủ trao tặng cho công ty do có thành tích trong công tác từ năm 2004 - 2006.
- ▶ Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2012 do Bộ trưởng Bộ NN&PTNT trao tặng.
- ▶ Giải thưởng Sao Vàng đất Việt năm 2010 - TOP 100 Doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam do Trung ương Hội liên hiệp Việt Nam phối hợp với Trung ương hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam tổ chức.
- ▶ Giải thưởng Hội nhập Kinh tế quốc tế năm 2010 - TOP 20 doanh nghiệp tiêu biểu do Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế Quốc tế, Bộ Công thương, Ban Thi Đua khen thưởng Trung ương phối hợp trao tặng.
- ▶ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ tài chính năm 2010.
- ▶ Giải thưởng doanh nghiệp Văn hóa của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch năm 2009.
- ▶ TOP 20 DN chứng khoán tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2009 do Ngân hàng nhà nước Việt Nam và hãng thông tin hàng đầu thế giới Dun & Bradstreet (D&B) Hoa Kỳ xếp hạng.
- ▶ Cúp vàng giải thưởng Thương hiệu Chứng khoán Uy tín từ năm 2007 đến 2012.
- ▶ Giải thưởng Bông lúa vàng Việt nam - Thương hiệu vàng Chất lượng từ năm 2007, 2008, 2009, 2010 do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.
- ▶ Giải thưởng Thương hiệu Bạn của nhà nông từ năm 2005 - 2007 do Bộ Nông nghiệp và PTNT trao tặng.

Và nhiều giải thưởng cao quý khác



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2012 - 2016



1. Bà Trần Kim Liên
2. Bà Lê Thị Lệ Hằng
3. Ông Phạm Ngọc Lý
4. Ông Đỗ Bá Vọng
5. Ông Nguyễn Khắc Hải
6. Ông Trần Đình Long
7. Bà Nguyễn Thị Trà My



BÀ TRẦN KIM LIÊN - CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật
- Trình độ chính trị: Cao cấp chính trị
- 1980 - 1982: Giảng viên trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
- 1982 - 1995: Trợ lý Giám đốc Nông trường Đồng Giao
- 1995 - 1996: Trưởng phòng Kinh doanh XN Nông công nghiệp Đồng Giao
- 1996 - 1997: Phó Giám đốc Xí nghiệp Nông công nghiệp Đồng Giao
- 1997 - 1998: Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XK Đồng Giao
- 1998 - 2000: Phó Giám đốc Công ty Vật tư và XNK - Tổng công ty Rau quả VN.
- 2000 - 2004: Phó Giám đốc Công ty Giống cây trồng Trung ương I
- 2004 - nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương.

BÀ LÊ THỊ LỆ HẰNG - PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính.
- 1999 - 2007: Chuyên viên phân tích cấp cao tại Công ty Quản lý Quỹ W.P.Stewart, NewYork, USA.
- 2007 - 2010: Giám đốc khối Phân tích và Tư vấn đầu tư, Trợ lý chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
- 2010 - nay: Tổng giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), Trợ lý chủ tịch HĐQT Công ty Chứng khoán Sài Gòn, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú, Ủy viên HĐQT Công ty CP Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh, Ủy viên HĐQT Công ty CP Chế biến hàng Xuất khẩu Long An.
- 3/2012 - nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

ÔNG PHẠM NGỌC LÝ - THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính kế toán
- 1981 - 1985: Cán bộ Vụ Tài chính Kế toán - Bộ Nông nghiệp và PTNT
- 1985 - 1992: Kế Toán trưởng xí nghiệp cung ứng vật tư và vận tải
- 1992 - 2003: Cán bộ Công ty Giống cây trồng Trung ương I
- 2003 - 2/2010: Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.
- 2004 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.
- 3/2010 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.

ÔNG ĐỖ BÁ VỌNG - THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông học
- 1993 - 1994: Phó Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên
- 1994 - 2001: Giám đốc trại Giống cây trồng TW Châu Giang - Hưng Yên
- 2001 - 2004: Giám đốc trại Giống cây trồng TW Đồng Văn - Hà Nam
- 2004 - nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.

ÔNG NGUYỄN KHẮC HẢI - THÀNH VIÊN HĐQT.

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật, cử nhân QTKD
- 2001 - 2004: Chuyên viên cao cấp Ban Pháp chế, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.
- 2007 - 2010: Thành Viên Ban Dự Án thành lập Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, Giám đốc luật và Quản lý rủi ro Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI.
- 2010 - nay: Phó Tổng Giám đốc công ty TNHH quản lý Quỹ SSI.
- 3/2012 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

ÔNG TRẦN ĐÌNH LONG - THÀNH VIÊN HĐQT.

- Học hàm, học vị: Giáo sư, Viện sỹ, Tiến sỹ khoa học.
- 1967 - 1968: Giảng viên Đại học Nông nghiệp I - Hà Nội
- 1968 - 1981: Giảng viên Đại học Nông nghiệp II - Hà Nội
- 1981 - 1983: Thực tập sinh tại Liên bang Nga
- 1983 - 1993: Giám đốc Trung tâm Giống cây trồng Việt Nga
- 1993 - 2002: Phó Viện Trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam
- 2002 - 2003: Giám đốc Trung tâm thực nghiệm Đậu Đũa - Viện KHKTNN Việt Nam
- 2003 - nay: Chủ tịch Hội giống cây trồng Việt Nam; Phó chủ tịch Hội đồng Khoa học Viện Khoa học Nông Nghiệp Việt Nam, Thành Viên Ban chỉ đạo Quốc gia Quỹ Môi trường toàn cầu/GEF-UNDP Việt Nam, Ủy viên Hội đồng KHCN viện Cây lương thực cây thực phẩm, Viện KHKT Nông Lâm nghiệp Miền núi phía Bắc, Viện nghiên cứu rau quả TW, Trung tâm tài nguyên thực vật. Ủy viên Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam
- 2004 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.

BÀ NGUYỄN THỊ TRÀ MY - THÀNH VIÊN HĐQT

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- 1993 - 1995: Trợ lý TGD tại Công ty International Business Advisor
- 1995 - 2012: Giám đốc tài chính kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Biomin Việt Nam
- 2007 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty Cổ phần CSC Việt Nam
- 2012 - nay: Cố vấn cao cấp Công ty Biomin Việt Nam
- 3/2013 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



01. BÀ TRẦN KIM LIÊN - CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

02. ÔNG PHẠM NGỌC LÝ - THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

03. ÔNG ĐỖ BÁ VỌNG - THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

04. ÔNG NGUYỄN HẢI THỌ - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp
- 1984 - 1996: Cán bộ chỉ đạo Trại Giống cây trồng TW Thường Tín, Hà Nội
- 1996 - 2003: Phó Giám đốc trại Giống cây trồng TW Thường Tín, Hà Nội
- 2004 - 2007: Phó phòng TTKD Công ty CP Giống cây trồng TW
- 2007 - 2010: Trưởng phòng Phát triển sản phẩm mới Công ty CP Giống cây trồng TW Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội
- 2010 - 2011: Giám đốc Xí nghiệp Ba Vì
- 2011 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Giống cây trồng TW kiêm Giám đốc Xí nghiệp Ba Vì

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2012 - 2016



01. ÔNG CAO DUY HÀ - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- 2007 - 2008: Trợ giảng tại Đại học New South Wales - Australia.
- 2008 - 4/2014: Chuyên viên Ban Đầu tư IV - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - SCIC.
- 2009 - Nay: Trưởng Ban Kiểm soát công ty CP Giống cây trồng Trung ương, thành viên BKS CTCP viễn thông FPT; Thành viên HĐQT công ty CP tạp phẩm và bảo hộ lao động, CTCP in và khoa học kỹ thuật;
- 4/2014 - Nay: Phó phòng Kế hoạch và Chiến lược - Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước - SCIC.

02. ÔNG ĐỖ TIẾN SỸ - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- 5/2000 - 7/2000: Phó Giám đốc Trại Giống cây trồng TW Ba Vì
- 8/2000 - 3/2001: Phó phòng TT Kinh doanh Công ty Giống cây trồng Trung ương 1
- 2001 - 2004: Trưởng phòng TT Kinh doanh Công ty Giống cây trồng Trung ương 1
- 2004 - 2010: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Kinh doanh XNK Công ty CP Giống cây trồng TW
- 2010 - 2012: Ủy viên HĐQT, Chủ tịch BCH Công đoàn, Giám đốc kinh doanh Công ty CP Giống cây trồng TW
- 2012 - nay: Thành viên BKS, Chủ tịch BCH Công đoàn, Giám đốc kinh doanh Công ty CP Giống cây trồng Trung ương.

03. ÔNG NGUYỄN KHÁNH QUỲNH - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD.
- 2001 - 2002: Nhân viên kinh doanh XNK Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunhouse.
- 2002 - 2004: Phụ trách mua hàng nông sản xuất khẩu khu vực Miền Trung - Công ty TNHH OLAM Việt Nam.
- 2004 - 2006: Chuyên viên tài trợ thương mại XNK - Ngân Hàng Mizuho Corporate Bank, chi nhánh Hà Nội.
- 2008 - 2010: Chuyên viên phân tích đầu tư cổ phiếu Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)
- 2010 - nay: Phó Giám đốc đầu tư - Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)

ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

1. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TW THÁI BÌNH

Địa chỉ: Xã Đông Hợp, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình

Điện thoại: (036) 385 1265 - Fax: (036) 355 0684

2. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TW VINH - NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 11 Trần Nhật Duật, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (038) 353 1822 - Fax: (038) 384 4937

3. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TW MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN

Địa chỉ: Km940, Quốc lộ 1A, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại/Fax: (0510) 3869 255

4. XÍ NGHIỆP GIỐNG CÂY TRỒNG TW BA VÌ, HÀ NỘI

Địa chỉ: Xã Đông Quang, Huyện Ba Vì, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3386 309 - Fax: 04-3386 4185

5. XÍ NGHIỆP GIỐNG CÂY TRỒNG TW ĐỒNG VĂN, HÀ NAM

Địa chỉ: Thị trấn Đồng Văn, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam

Điện thoại: (0351) 3835 46 - Fax: (0351) 383 5061

6. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TW THANH HÓA

Địa chỉ: Xã Định Tường, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại/Fax: (037) 3869 251

7. TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ GIỐNG CÂY TRỒNG TW TẠI ĐÔNG QUANG, BA VÌ

Địa chỉ: Xã Đông Quang, Huyện Ba Vì, Hà Nội

Điện thoại: - Fax: (04) 6673 6717

8. TRẠI THỰC NGHIỆM GIỐNG CÂY TRỒNG TW KHOÁI CHÂU, HUNG YÊN

Địa chỉ: Xã Tân Dân, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại/Fax: (0321) 3910 348

9. NHÀ MÁY CHẾ BIẾN GIỐNG CÂY TRỒNG TW THƯỜNG TÍN

Địa chỉ: 350 Trần Phú, Thị trấn Thường Tín, Hà Nội

Điện thoại/Fax: (04) 3385 3239

10. VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI TÂY NINH

Địa chỉ: Số 3677, tổ 1, ấp 4, Bầu Đôn, Gò Dầu, Tây Ninh

Điện thoại: (066) 3857 379

11. VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TW TẠI TỈNH UDOMXAY - NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Địa chỉ: Tỉnh Udomxay

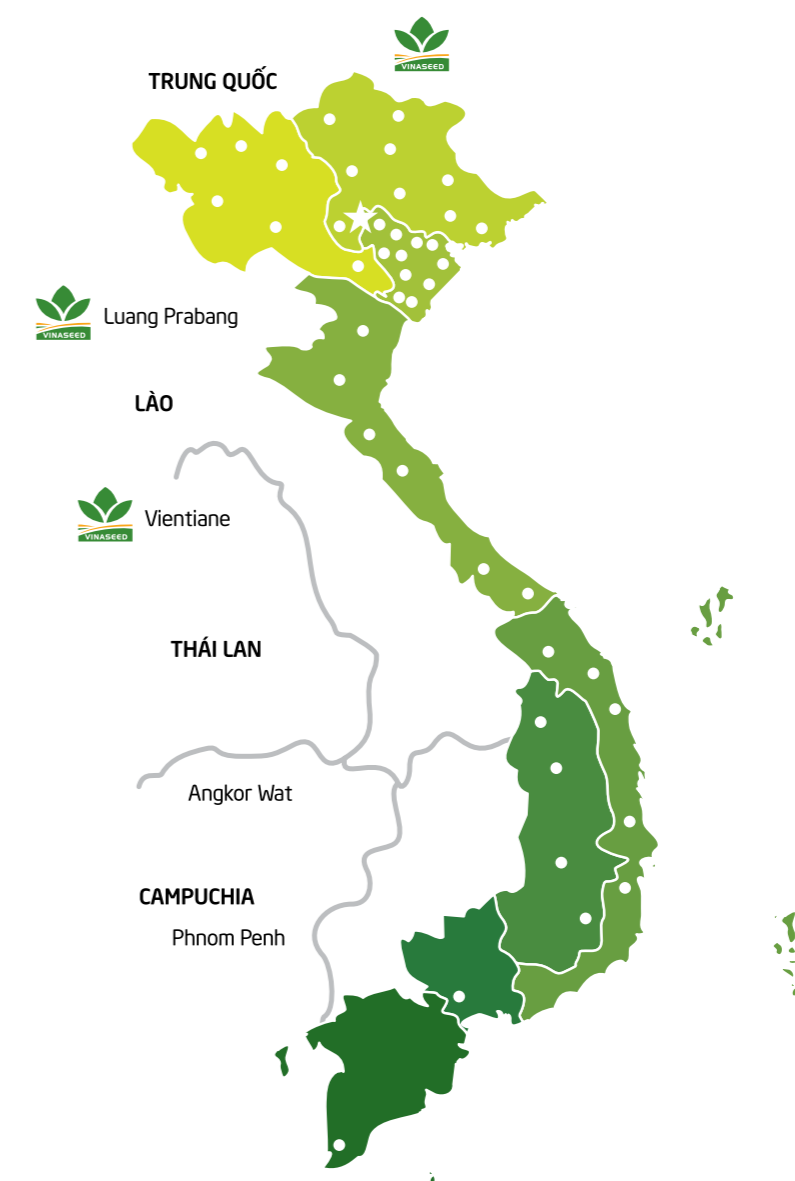
Điện thoại/Fax: (0085) 6812 12554

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

TRỤ SỞ CHÍNH CỦA CÔNG TY

Địa chỉ: Số 1 Lương Định Của, Phường Mai, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3852 3294 - Fax: (04) 3852 7996



■ BẮC TRUNG BỘ

■ TÂY BẮC BỘ

■ ĐÔNG BẮC BỘ

■ ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

■ NAM TRUNG BỘ

■ TÂY NGUYÊN

■ ĐÔNG NAM BỘ

■ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2013

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

KẾT QUẢ KINH DOANH

	2011	2012	2013
Doanh thu thuần (VNĐ)	486.557.947.086	547.358.335.915	597.814.361.382
Lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	64.117.846.676	79.950.277.184	99.079.187.174
Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	62.253.057.113	78.222.420.027	96.109.636.027

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI SẢN

	2011	2012	2013
Tổng tài sản (VNĐ)	362.547.790.376	393.154.349.496	439.523.361.993
Vốn điều lệ (VNĐ)	82.561.610.000	100.298.380.000	100.298.380.000
Nguồn vốn chủ sở hữu (VNĐ)	214.333.634.645	267.666.038.576	322.996.555.453

CÁC CHỈ TIÊU KHÁC

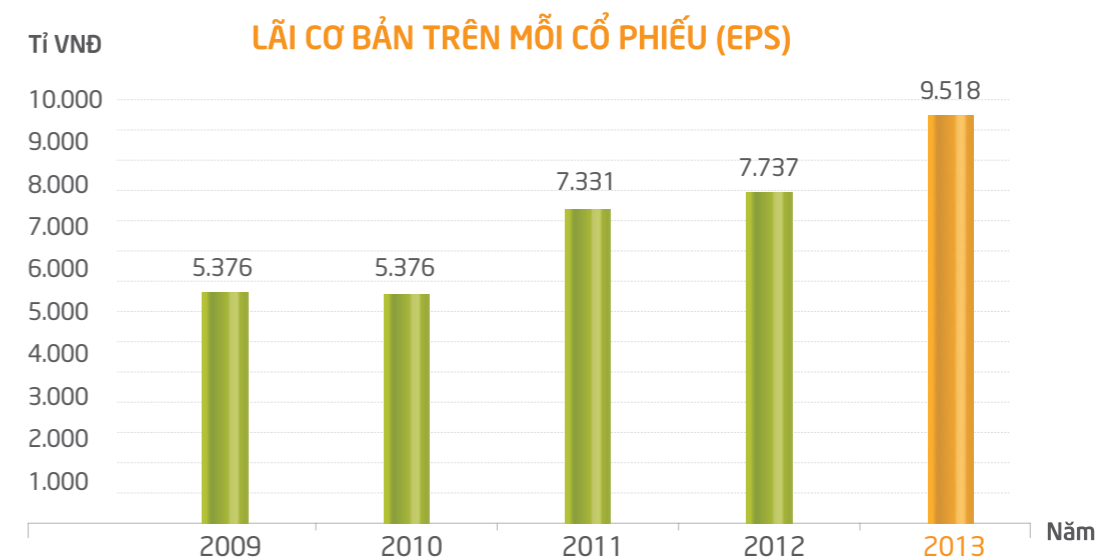
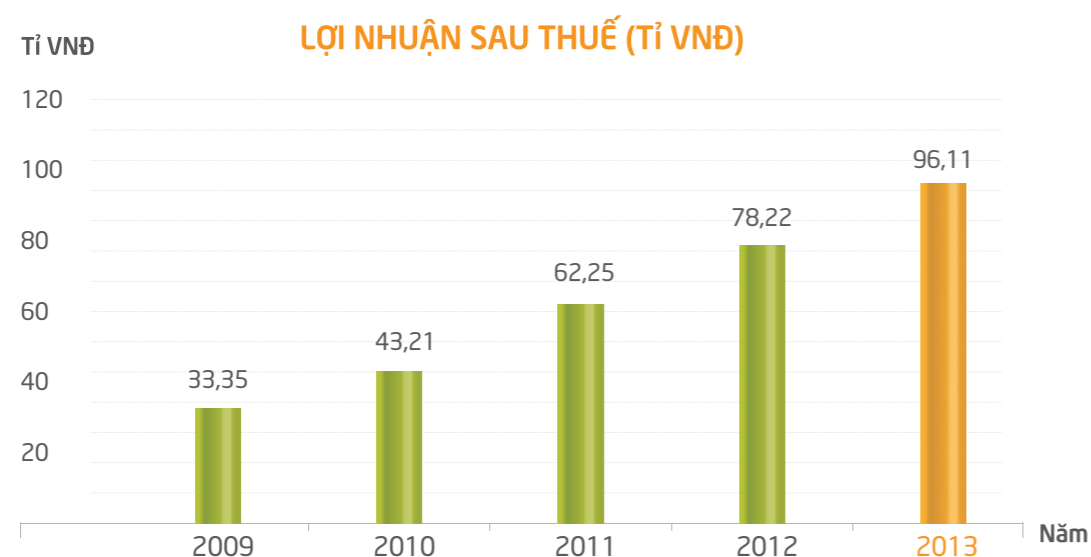
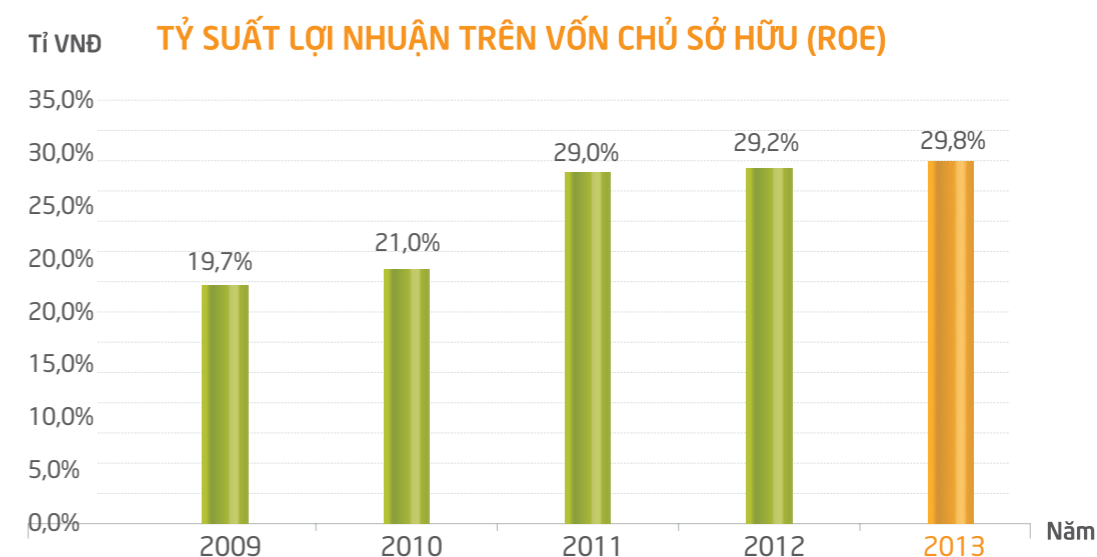
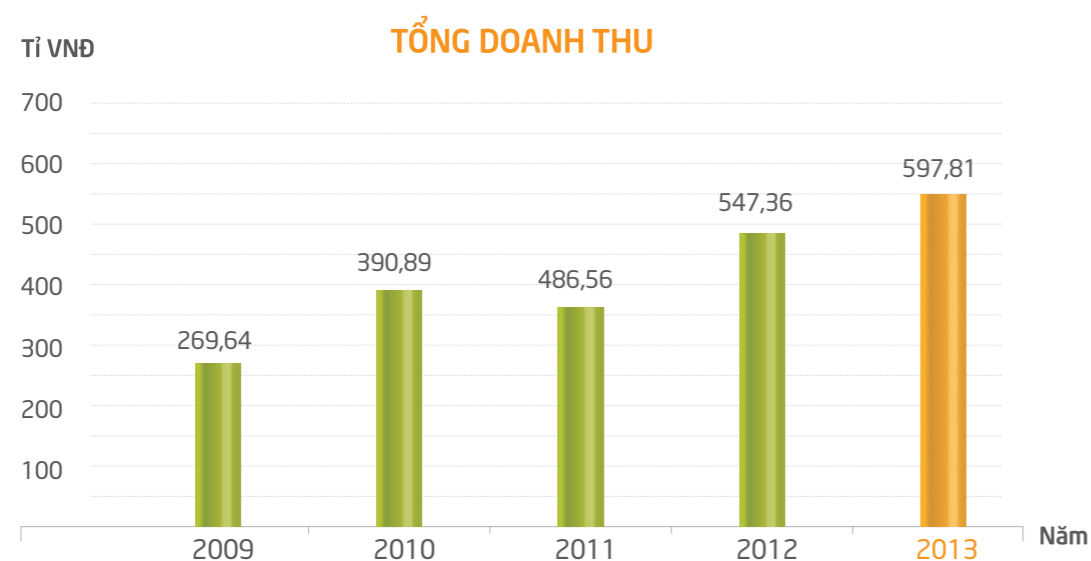
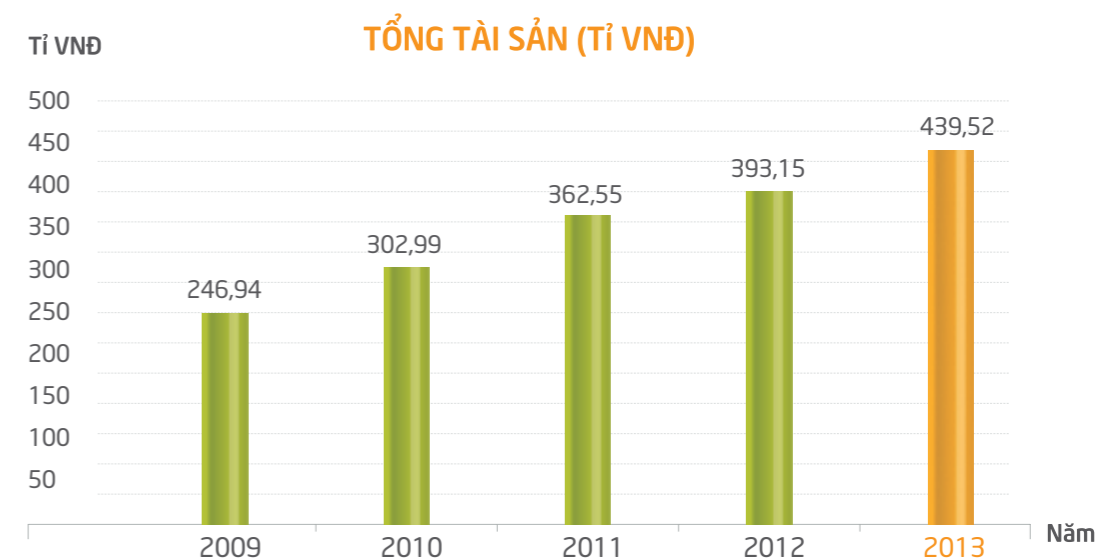
	2011	2012	2013
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	77,4%	76,6%	79,0%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	22,6%	23,4%	21,0%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản (%)	39,8%	30,9%	25,6%
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản (%)	59,1%	68,1%	73,5%

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN

	2011	2012	2013
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA) (%)	17,2%	19,9%	21,9%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	29,0%	29,2%	29,8%
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (%) (ROS)	12,8%	14,3%	16,1%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) (VNĐ)	7.331	7.737	9.518

**TỐC ĐỘ
TĂNG TRƯỞNG
TRONG 5 NĂM
TỪ 2009 - 2013**

222% Doanh thu
288% Lợi nhuận sau thuế
191% Vốn chủ sở hữu



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trong năm 2013, mặc dù bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị (HĐQT) vẫn lãnh đạo công ty hoàn thành tốt tất cả các mục tiêu đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), duy trì tốc độ tăng trưởng cao, xây dựng vị thế công ty ngày càng lớn mạnh, gia tăng giá trị tích lũy, đảm bảo lợi ích và hiệu quả cao cho các nhà đầu tư.

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2013

Năm 2013, HĐQT và Ban điều hành công ty đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt các giải pháp kinh doanh trên tinh thần chủ động, sáng tạo, tận dụng cơ hội, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó. Với những nỗ lực đó, Vinaseed đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2013

- ▶ Doanh thu đạt 597,8 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch đề ra và tăng 9% so với doanh thu năm 2012.
- ▶ Lợi nhuận sau thuế đạt 96,1 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch đề ra và tăng 23% so với năm 2012.
- ▶ Tỷ số lợi nhuận ròng trên tài sản (ROA) đạt 21,9%, cao hơn mức 21% đã đề ra trong ĐHCĐ và cao hơn 10% so với tỷ suất lợi nhuận ròng đạt được năm 2012.
- ▶ Tỷ số lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu đạt 29,8%, cao hơn kế hoạch đề ra (mức 29%) và cao hơn 2% so với năm 2012.
- ▶ Tổng tài sản năm 2013 đạt 439,5 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2012.
- ▶ Vốn chủ sở hữu tăng 21% so với năm 2012, đạt 322,99 tỷ đồng.
- ▶ Thu nhập trên mỗi cổ phiếu ở mức cao, đạt 9.518 đồng, tăng 23% so với năm 2012. Đồng thời, công ty dự kiến chi trả cổ tức bằng tiền mặt ở mức 30%.

2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2013

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ (KHCN), với đối tượng kinh doanh là các sản phẩm khoa học công nghệ. Do đó, công tác phát triển khoa học công nghệ là điểm được chú trọng trong chiến lược phát triển và được xác định vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển công ty. Trong năm 2013, Công ty tiếp tục đạt được những thành công trong công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KHCN:

- ▶ Đã tập hợp được nguồn lực thực hiện xã hội hoá công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh của công ty, kết hợp cơ chế hợp tác đa dạng và cơ chế thù lao hợp lý, khuyến khích sáng tạo và đổi mới công nghệ. Công ty tập hợp được đội ngũ chuyên gia tạo giống đầu ngành của Việt Nam và các cơ sở nghiên cứu công lập giúp Công ty đào tạo nguồn lực, khai thác nguồn gen và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng. Hiện nay, Vinaseed có 11 chuyên gia tạo giống (là các Giáo sư đầu ngành trong các lĩnh vực giống lúa thuần, lúa lai, ngô lai, đậu tương và rau), hợp tác với 5 viện nghiên cứu gồm Viện lúa đồng bằng sông Cửu Long, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện nghiên cứu Ngô, Viện Di truyền và Viện Công nghệ sinh học trường Đại học Nông nghiệp I.

- ▶ Thực hiện tốt việc chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật tới bà con nông dân; Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại địa phương và các tổ chức chính trị xã hội như các tổ chức Phụ nữ, Thanh niên, Nông dân, Sở Nông nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Khuyến nông và Trung tâm Ứng dụng và chuyển giao thuộc Sở khoa học và Công nghệ các tỉnh... để hợp tác trong việc khảo nghiệm, trình diễn và xây dựng mô hình, tạo thành một hệ thống truyền thông đa dạng, rộng khắp và phù hợp với bà con nông dân.
- ▶ Nắm vững chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến ngành nông nghiệp, đặc biệt là chính sách phát triển khoa học công nghệ để tranh thủ nguồn lực đầu tư cho KHCN giúp Công ty phát triển, tăng tích lũy để tái sản xuất mở rộng (Nghị định 61/2010/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 80/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các chương trình giống cây trồng vật nuôi...). Nhờ đó, công ty được hưởng những ưu đãi về đầu tư, được tham gia vào các dự án KHCN của Nhà nước, được hỗ trợ về nguồn lực để đổi mới công nghệ, có kinh phí cho hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) và đặc biệt là nhận được sự hỗ trợ của chương trình đổi mới KHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ. Trong năm 2013, công ty đã tham gia 5 đề tài, dự án cấp Nhà nước, 3 đề tài, dự án đã ký hợp đồng triển khai, 1 đề tài đã thẩm định xong đang hoàn tất thủ tục ký hợp đồng, 1 dự án đang chờ hội đồng thẩm định. Tổng giá trị hỗ trợ cho các đề tài, dự án này trên 30 tỷ đồng đã góp phần không nhỏ trong hoạt động đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển, hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật và đào tạo nguồn nhân lực cho Công ty.
- ▶ Ngoài việc khai thác nguồn lực trong nước thì quan hệ hợp tác quốc tế là một giải pháp rất quan trọng trong việc nghiên cứu, ứng dụng và triển khai, đặc biệt là khai thác nguồn gen và đào tạo nguồn lực cũng như việc mở rộng quy mô kinh doanh của công ty và tìm kiếm khoa học công nghệ. Hiện nay, Công ty có quan hệ hợp tác với trên 10 công ty trên thế giới và 2 trường đại học: Đại học Nông nghiệp Tứ Xuyên và Đại học Nông nghiệp Quảng Tây. Riêng trong năm 2013, công ty đã ký hợp đồng hợp tác nghiên cứu, chuyển giao với Viện Nghiên cứu Quý Á - Trung Quốc, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Trường Đại học Nông nghiệp I.

3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2013

Trong năm 2013, các hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, mua sắm thiết bị được công ty thực hiện đúng thủ tục theo quy định của luật đấu thầu, mua sắm thiết bị chào hàng cạnh tranh, thuê tư vấn giám sát, thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng. Trong đó, các Dự án đã thực hiện là: Dự án đầu tư cơ sở vật chất cho Trung tâm nghiên cứu với giá trị dự toán 5,1 tỷ đồng, giá trị thực hiện trong năm 2013 là 2,1 tỷ đồng; Phê duyệt dự án xây dựng trụ sở văn phòng công ty với tổng trị giá 25,04 tỷ đồng, giá trị thực hiện trong năm 2013 là 4,06 tỷ đồng; Mua sắm thiết bị, phương tiện vận tải với giá trị 6,09 tỷ đồng; Phê duyệt đầu tư vào công ty liên kết và giám sát việc thực hiện thành công nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty CP Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam (QSC) từ 32,2% lên 60,24%; Xây dựng văn phòng tại Lào trị giá 495,4 tỷ đồng.

4. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HDQT đã chỉ đạo và giám sát thường xuyên, hàng quý, sáu tháng đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của HDQT. Trong năm 2013, Ban điều hành thực hiện tốt trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động tới HDQT để từ đó, HDQT có những định hướng, chỉ đạo kịp thời.

Qua hoạt động giám sát, HDQT đánh giá Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm 2013 đã tuân thủ, chấp hành thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của HDQT, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Việc định hướng đúng đắn của HDQT, kết hợp với công tác điều hành hiệu quả của Ban Tổng giám đốc là những yếu tố quan trọng giúp cho Vinaseed hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh đã đề ra cho năm 2013.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH

Năm 2013, Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ ĐHCĐ đề ra kể cả về quy mô và hiệu quả kinh doanh, duy trì được tốc độ phát triển cao, cụ thể:

Kết quả kinh doanh

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2013	TH 2013	TH 2012	TH/KH	SỐ SÁNH 2013/2012
1	Doanh thu	Tr Đ	598.300	597.814	547.358	100%	109%
	Doanh thu sản phẩm công nghệ cao/ Tổng DT	%	44,1%	46%	39%	104%	118%
2	Chênh lệch giá	Tr Đ		235.480	198.958		118%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr Đ	96.000	96.110	78.222	100%	123%
4	Lợi nhuận/ Doanh thu	%	16,0%	16,1%	14,2%	100%	113,4%

Hiệu quả hoạt động

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2013	TH 2013	TH 2012	TH/KH	SỐ SÁNH 2013/2012
1	EBIT	Tr Đ		99.086	80.104		124%
2	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	21%	21,9%	19,9%	104%	110%
3	Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn Chủ sở hữu (ROE)	%	29%	29,8%	29,2%	103%	102%
4	Thu nhập/cổ phiếu (EPS)	Đ/CP	9.517	9.518	7.737	100%	123%
5	Tỷ lệ chia cổ tức (bằng tiền mặt)	%	30%	30%	30%	100%	100%

Khả năng thanh toán

CHỈ TIÊU	2013	2012	2013/2012
Khả năng thanh toán hiện hành	3,1	2,5	125%
Khả năng thanh toán nhanh	1,7	1,4	121%
Khả năng thanh toán tức thời	0,5	0,4	110%

Hiệu quả quản lý tài sản

CHỈ TIÊU	2013	2012	2013/2012
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho bình quân)	2.3	2.6	89%
Vòng quay khoản phải thu	4.5	4.5	100%
Vòng quay tài sản (Doanh thu/ Tổng tài sản)	1.4	1.4	100%

Tỷ số tăng trưởng

CHỈ TIÊU	2013/2012
Doanh thu	109%
Lợi nhuận gộp	118%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	124%
Lợi nhuận trước thuế	124%
Lợi nhuận sau thuế	123%
Tăng trưởng EPS	123%
Tăng trưởng Tổng tài sản	112%
Tăng trưởng vốn chủ sở hữu	121%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2013

Hoạt động sản xuất

Năm 2013, Công ty đã quy hoạch được vùng sản xuất ổn định, tập trung gắn với cánh đồng mẫu lớn, tổ chức sản xuất an toàn các tổ hợp lúa lai và sản xuất 2570 tấn hạt lai, vượt 37% kế hoạch và tăng 14% so với cùng kỳ (tăng chủ yếu do lượng sản xuất ngô LVN10 và ngô nếp). Tuy nhiên, sản xuất vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu kinh doanh, đặc biệt là những mặt hàng công nghệ cao dẫn đến việc phải hợp tác gia công làm giảm năng lực cạnh tranh của Công ty.

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	SẢN XUẤT NĂM 2013				
		KẾ HOẠCH (KH)	THỰC HIỆN (TH)	NĂM 2012	TH/KH	SỐ SÁNH 2013/2012
Quy mô sản xuất	Ha	7.648	6.568	8.155	86%	81 %
Sản lượng	Tấn	24.836	19.666	16.376	79%	120%
Hạt lai các loại	Tấn	1.872	2.570	2.246	137%	114%

Hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật

Hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật là hoạt động chính của công ty, là động lực cho Công ty phát triển, nâng cao sức cạnh tranh, tạo sự khác biệt sản phẩm, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. Những hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KHKT của Vinaseed trong năm 2013 gồm:

- ▶ Chuyển giao độc quyền 02 giống mới là Thụy Hương 308 và CNR6206.
- ▶ Ký hợp đồng hợp tác chuyển giao với Viện nghiên cứu Lúa - Trường Đại học Nông nghiệp 1 nhằm phát triển giống Nếp vàng ĐB. Đây là giống có ưu điểm ngắn ngày, cấy được 2 vụ trong năm.
- ▶ Công ty đang khảo nghiệm, đánh giá vùng sinh thái để tiến hành chuyển giao, công nhận giống lúa lai Xuyên hương 506. Đây là giống lúa lai có thể trồng 2 vụ/năm, tiềm năng năng suất cao, chất lượng ngon hơn giống lúa Nhị ưu 838.
- ▶ Công nhận sản xuất thử giống ngô nếp lai đơn HN90: Đây là giống ngô có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất cao, chất lượng ngon chỉ sau HN88. Định hướng thị trường phát triển cho giống ngô này từ Thanh Hóa trở vào hoặc từ Bắc Giang trở lên.
- ▶ Công nhận sản xuất thử giống lúa thuần chất lượng Thiên Ưu 8, là giống lúa được thị trường đánh giá rất cao, và được định hướng phát triển cạnh tranh với giống lúa BC15 và thay thế giống lúa Khang Dân.
- ▶ Duy trì, phục tráng được 2 cặp bố mẹ lúa lai là cơ sở để phục vụ cho lai tạo.
- ▶ Công ty đã ký hợp đồng hợp tác nghiên cứu, chuyển giao với Viện Nghiên cứu Quý Á - Trung Quốc, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, Trường Đại học Nông nghiệp I.

Hoạt động phát triển sản phẩm mới

Trong năm 2013, công ty đã phát triển thành công các giống mới có giá trị kinh tế cao, ngày càng được khẳng định về chất lượng như các giống lúa: RVT, OM6976, HN88, HN68, HN90. Đặc biệt, các dòng sản phẩm rau lai do Công ty nghiên cứu ra gồm 3 giống bí xanh, 1 giống bầu, 1 giống bí đỏ, 1 giống mướp hương, 2 giống mướp đắng, giống ớt,... góp phần chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty, nâng cơ cấu doanh thu sản phẩm hàm lượng công nghệ cao từ 39% lên 46%.

Hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản năm 2013

Các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, mua sắm thiết bị trong năm 2013 được thực hiện đúng thủ tục theo quy định của luật đấu thầu, mua sắm thiết bị chào hàng cạnh tranh, thuê tư vấn giám sát, thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, bao gồm các hạng mục như sau:

TT	TÊN DỰ ÁN, HẠNG MỤC	TỔNG DỰ TOÁN	THỰC HIỆN 2013	GHI CHÚ
I	Đầu tư cơ sở vật chất cho trung tâm nghiên cứu	2.114.005.000	2.114.005.000	
	- Xây dựng hệ thống nhà lưới	462.263.000	462.263.000	
	- Đầu tư nâng cấp Trại Thực nghiệm Khoái Châu (đường vào kênh nội đồng)	1.651.742.000	1.651.742.000	Các công việc đã triển khai bao gồm hệ thống đường và kênh nội đồng. Các công việc dự kiến triển khai tiếp trong năm 2014: Nhà điều hành 2 tầng, nhà chế biến.

TT	TÊN DỰ ÁN, HẠNG MỤC	TỔNG DỰ TOÁN	THỰC HIỆN 2013	GHI CHÚ
II	Dự án xây dựng trụ sở văn phòng công ty	25.045.692.300	4.067.544.300	- Các công việc đã thực hiện xong: - Tiến hành đo đạc bản đồ tỷ lệ 1/500. - Khoan khảo sát, di chuyển cột điện. - Thiết kế và tổng dự toán. - Cấp phép xây dựng dự án. - Đấu thầu và lựa chọn Nhà thầu thi công xây lắp, ký hợp đồng gói thầu thi công xây lắp. - Dự án đang bắt đầu triển khai xây dựng.
III	Mua sắm thiết bị, phương tiện vận tải	6.090.114.800	6.090.114.800	
IV	Đầu tư vào các công ty liên kết	2.772.350.000	2.772.350.000	Thực hiện thành công nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty CP Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam (QSC) từ 32,2% lên 60,24% (hiện đang hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng).
V	Khác (văn phòng tại Lào)	495.460.000	495.460.000	
VI	Tổng cộng	36.517.622.100	15.539.474.100	

NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2013

Trong năm 2013, Công ty tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ ĐHCĐ để ra kể cả về quy mô và hiệu quả, duy trì được tốc độ phát triển cao

- ▶ Doanh thu thực hiện đạt 100% kế hoạch và bằng 109% so với cùng kỳ.
- ▶ Lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 100% kế hoạch, bằng : 123% so cùng kỳ 2012.
- ▶ Các chỉ số ROA, ROE, EPS đều đạt kế hoạch và tăng trưởng cao so với cùng kỳ.
- ▶ Quản lý công nợ tốt, không phát sinh nợ xấu.

Gia tăng sản phẩm cung cấp, mang lại sự lựa chọn đa dạng cho khách hàng

Công ty đã phát triển thành công các giống mới có giá trị kinh tế cao, ngày càng được khẳng định về chất lượng, góp phần chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho công ty. Năm 2013, cơ cấu doanh thu sản phẩm công nghệ cao chiếm 46% tổng doanh thu (năm 2012, tỷ lệ này là 39%)

Kiện toàn bộ máy Quản trị Công ty

Năm 2013, Vinaseed đã thành lập Phòng Kinh doanh 2, Ban đầu tư và quản lý các dự án, Phòng kinh doanh hạt rau tại Ba Vì để đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã tăng cường nguồn lực cán bộ trẻ kế cận (tuyển dụng, đề bạt cán bộ) cho các chức danh quản lý: Trưởng phòng Kinh doanh 2, Giám đốc đầu tư, Phó GD Kinh doanh, Phó GD Marketing, Phó Phòng quản trị nhân sự, Phó Giám đốc chi nhánh Thái Bình, Trưởng phòng Rau.

Tăng cường hoạt động phát triển nguồn nhân lực

Công ty xác giá trị cốt lõi nhất thực sự trở thành lợi thế cạnh tranh và là điểm khác biệt nổi trội so với các công ty khác đó là chất lượng nguồn nhân lực. Mục tiêu phát triển đội ngũ nhân lực năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp đã được Công ty thực hiện thành công thông qua hệ thống chính sách lương thưởng và chế độ đãi ngộ đối với người lao động (tạo cơ hội thăng tiến, tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cán bộ nhân viên trong công ty).

Hoàn thiện hệ thống quy chế của Công ty

Trong năm 2013, Vinaseed đã hoàn thiện hệ thống quản trị tiên tiến, công khai minh bạch và đồng bộ theo các chuẩn mực quốc tế, được triển khai thực hiện nghiêm túc và thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế:

- ▶ Sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty, Quy chế quản trị nội bộ công ty theo Thông tư 121/2012/TT-BTC.
- ▶ Ban hành Quy chế tiền lương mới, Quy chế đánh giá cán bộ mới theo hướng gắn chặt giữa thu nhập cá nhân người lao động với kết quả hoàn thành chung của đơn vị, của công ty.
- ▶ Duy trì thường xuyên việc kiểm tra, giám sát việc chấp hành Quy chế quản lý của công ty.

Trong năm qua, bên cạnh những thành tựu đạt được như trên, trong các hoạt động của Công ty vẫn tồn đọng một số vấn đề như chưa tận dụng tối đa cơ hội kinh doanh do năng lực sản xuất còn hạn chế; Hệ thống kho bảo quản giống thiếu gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Do tốc độ tăng trưởng sản lượng kinh doanh nhanh, công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

Mặc dù trong điều kiện kinh doanh khó khăn, Vinaseed vẫn hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu Đại hội cổ đông thường niên 2013 đã đề ra, duy trì tốc độ tăng trưởng cao trên tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, hiệu quả kinh tế, đời sống, phát triển vốn và không có nợ xấu và mở rộng quy mô Công ty.

GIỚI THIỆU CÔNG TY CON

CÔNG TY CP GIỐNG CÂY TRỒNG HÀ TÂY

Thông tin doanh nghiệp

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây
Tên tiếng Anh: Ha Tay Seed Joint Stock Company

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0500437239 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/11/2010 (thay đổi lần 9)

Địa chỉ: Ba La, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: (043) 3 530 655

Fax: (043) 3 535 421

Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2013): 5.688.900.000 VND

(Bằng chữ: Năm tỷ, sáu trăm tám mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn).

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương là công ty mẹ của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây với tỷ lệ sở hữu: 53,8%.

Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 1996:** Công ty Giống cây trồng Hà Tây thành lập theo Quyết định số 997/QĐ/UB ngày 17/12/1996 của UBND tỉnh Hà Tây (hợp nhất Công ty giống cây trồng và dâu tằm tơ).
- Năm 2003:** Công ty Giống cây trồng Hà Tây cổ phần hóa theo Quyết định số 272/QĐ-UB ngày 11/3/2003 của UBND tỉnh Hà Tây thành Công ty cổ phần Giống cây trồng Hà Tây.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng, các loại nông sản và vật tư nông nghiệp (hạt rau, thiết bị máy móc nông nghiệp, vật tư, phân bón)
- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại thức ăn chăn nuôi
- Kinh doanh máy móc, thiết bị
- Dịch vụ thương mại tổng hợp
- Lữ hành nội địa
- Du lịch sinh thái và các dịch vụ du lịch khác
- Dịch vụ kho vận

Các đơn vị thành viên

- Trại tằm và giống cây trồng Phù Lưu Tế.
Địa chỉ: Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.
- Trại tằm và giống cây trồng Phương Bảng.
Địa chỉ: xã Song Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Tình hình tài chính năm 2013

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH (KH)	THỰC HIỆN (TH)	THỰC HIỆN 2012	TH/KH (%)	2013/2012 (%)
1	Lượng hàng bán	TẤN	1.110	1.132	1.101	102%	103%
2	Doanh thu	VND	23.000.000.000	24.057.720.602	22.657.665.186	105%	106%
3	Lợi nhuận gộp	VND	6.300.000.000	6.657.263.622	6.084.687.704	106%	109%
4	Lợi nhuận sau thuế	VND	1.400.000.000	1.405.648.748	1.340.782.139	100%	105%
5	Tổng tài sản	VND		12.541.473.212	10.770.829.280		116%
6	Vốn chủ sở hữu	VND		9.106.906.848	8.765.257.207		104%
7	Vốn điều lệ	VND		5.688.900.000	5.688.900.000		100%

CÔNG TY CP GIỐNG NÔNG LÂM NGHIỆP QUẢNG NAM

Thông tin doanh nghiệp

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam (QSC)
Tên tiếng Anh: QuangNam Seed Agriculture and Forestry Joint Stock Company

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 4000107543 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 17/02/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/9/2013.

Địa chỉ: Km 943 Quốc lộ IA- Xã Điện Thắng Bắc- Huyện Điện Bàn Tỉnh Quảng Nam.

Điện thoại: 0510.3869455

Fax: 0510.3869253

E-mail: giongquangnam@gmail.com

Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2013): 5.000.000.000 đồng

(bằng chữ: Năm tỷ đồng).

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương là cổ đông lớn của QSC hiện đang hoàn tất thủ tục nâng tỷ lệ sở hữu từ 32,2% lên 60,24%.

Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 2002:** Công ty Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam được thành lập theo Quyết định 479/2002/QĐ-UB ngày 21/02/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam trên cơ sở đổi tên từ Nông trường Chiên Đàn (Thành lập vào năm 1979) và tiếp nhận Trại thực nghiệm giống Nông nghiệp Bình Trung (trực thuộc Trung tâm thực nghiệm giống nông lâm nghiệp Quảng Nam) và tiếp nhận Trạm giống cây trồng TW Miền Trung (trực thuộc Công ty giống cây trồng Trung ương).
- Năm 2005:** công ty Giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam cổ phần hóa theo Quyết định 3595/QĐ-UB ngày 26/9/2005 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Ngành nghề kinh doanh

- Nghiên cứu, sản xuất các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp
- Mua bán các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp
- Mua bán vật tư nông nghiệp; Đại lý bán buôn bán lẻ hàng hóa
- Chế biến nông sản

Các đơn vị thành viên

- Xí nghiệp Giống Nông lâm nghiệp Chiên Đàn, Xã Tam Đàn, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam.
- Xí nghiệp Giống Nông Nghiệp Bình Trung, Xã Bình Trung, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam.

Tình hình tài chính năm 2013

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	2013	2012
1	Doanh thu	VND	27.225.040.347	35.588.846.791
2	Lợi nhuận gộp	VND	4.491.980.461	9.034.535.953
3	Lợi nhuận sau thuế	VND	(635.160.559)	(547.245.532)
4	Tổng tài sản	VND	14.967.018.441	20.830.721.027
5	Vốn chủ sở hữu	VND	5.676.971.555	3.999.326.300



BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trong năm 2013, Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp định kỳ hàng quý và 03 lần triển khai lấy ý kiến bằng văn bản trong HĐQT để ban hành 07 nghị quyết và quyết định về các vấn đề chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh trong năm của công ty, đưa ra những quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT. Các phiên họp HĐQT này đều có sự tham dự và đóng góp ý kiến của Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc công ty.

Cùng với đó, HĐQT thực hiện việc giám sát thường xuyên và giám sát định kỳ hàng quý, bán niên đối với Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Mục tiêu của các hoạt động giám sát nhằm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng với tất cả các cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

Qua hoạt động giám sát, HĐQT đánh giá Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong năm 2013 đã tuân thủ, chấp hành thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết của HĐQT, Điều lệ công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Các nghị quyết/ quyết định do HĐQT ban hành năm 2013

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	Nghị Quyết 03/NQ-CTG-HĐQT	21/01/2013	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2012, phương hướng hoạt động năm 2013. Thông qua các đề xuất về chương trình ĐHCĐ thường niên năm 2013
2	Nghị Quyết 05/NQ-CTG-HĐQT	12/03/2013	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua bổ sung nội dung trình ĐHCĐ thường niên 2013 về việc sửa đổi bổ sung điều lệ, trình bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT độc lập theo Thông tư 121/2012/TT-BTC về việc quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.
3	Nghị Quyết 10/NQ-CTG-HĐQT	11/04/2013	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo hoạt động Quý I/2013, phương hướng hoạt động Quý II/2013 Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ công ty, kế hoạch hoạt động của HĐQT, BKS năm 2013 Phê duyệt chỉ định thầu gói thầu số 1 - Khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng, lập hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công Dự án xây dựng Trụ sở làm việc công ty.
4	Nghị quyết 18/NQ-HĐQT-CTG	10/7/2013	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2013, Kế hoạch Sản xuất kinh doanh Quý III-2013 Thông qua điều chỉnh Định hướng chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2012 - 2016. Thông qua nội dung và tiến độ chi trả nốt cổ tức 2012 và ứng cổ tức đợt I-2013.
5	Nghị quyết 25/NQ-HĐQT-CTG	16/10/2013	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua báo cáo kết quả hoạt động 9 tháng đầu năm 2013, Kế hoạch Sản xuất kinh doanh Quý IV-2013 Thông qua chủ trương đầu tư vào Vĩnh Phúc Thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ công ty Thông qua Phương án đầu tư theo Tờ trình số 23/TTr-CTG-HĐQT.
6	Quyết định 27/QĐ-HĐQT-CTG	18/10/2013	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định mua lại cổ phiếu ESOP của CBCNV nghỉ việc làm cổ phiếu quỹ.
7	Nghị quyết 30/NQ-HĐQT-CTG	08/11/2013	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ công ty Quyết định tổ chức ĐHCĐ bất thường ngày 21/12/2013 (Nghị quyết lấy ý kiến thông qua bằng văn bản)

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TIỂU BAN QUẢN TRỊ VÀ NHÂN SỰ

HĐQT đã thành lập tiểu ban Quản trị và Nhân sự với trách nhiệm tham gia hoàn thiện Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ; Hỗ trợ ban điều hành hoàn thiện cơ chế tiền lương, đề xuất cơ chế thưởng đối với HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao.

Bên cạnh đó, tiểu ban Quản trị và Nhân sự còn có nghĩa vụ tư vấn tổ chức và hoàn thiện hệ thống quản trị công

ty và các công ty con, công ty liên kết; Tư vấn phương án phát hành tăng vốn, xây dựng phương án ESOP 2014 và hỗ trợ công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, ĐHĐCĐ bất thường.

TIỂU BAN ĐẦU TƯ

Chức năng của tiểu ban Đầu tư là tham gia thẩm định, tư vấn quản lý, giám sát quá trình tổ chức triển khai dự án, đảm bảo thực hiện theo đúng trình tự đầu tư xây dựng của Nhà nước, đảm bảo tiến độ và hiệu quả dự án. Trong năm 2013, Tiểu ban Đầu tư đã thực hiện chức năng thẩm định, tư vấn và giám sát trong hai dự án:

- Dự án xây dựng Văn phòng công ty
- Dự án xây dựng nhà máy và văn phòng làm việc

tại Đồng Văn. Ngoài ra, Tiểu ban Đầu tư cũng tham gia xây dựng hoàn chỉnh chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2013 - 2016, bao gồm: Theo dõi giám sát quá trình thực hiện chiến lược và tư vấn phát hành tăng vốn, các hoạt động đầu tư, thẩm định các phương án mua bán sáp nhập doanh nghiệp (dự án đầu tư tại Quảng Nam, Thái Bình, Vĩnh Phúc,...).

TIỂU BAN KHOA HỌC KỸ THUẬT

Nhiệm vụ chính của Tiểu ban Khoa học kỹ thuật là tư vấn định hướng phát triển sản phẩm, đầu tư mua sắm trang thiết bị và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho nghiên cứu của Công ty; Tham gia vào các hoạt động khoa học công nghệ (KH-CN) của công ty để xác định các kết quả nghiên cứu KHKT (như tham gia Hội đồng khoa học thẩm định các giống mới của công ty, Hội đồng thẩm định dự án KH-CN,...).

Tiểu ban KHKT cũng tham gia tư vấn, kết nối thông tin trong việc mua bán, xác định giá trị bản quyền nghiên cứu khoa học trong quá trình chuyển giao; Tư vấn, giới thiệu trong việc tìm kiếm đối tác, thuê chuyên gia kỹ thuật phục vụ cho nghiên cứu và phát triển của Công ty và đào tạo phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật của Công ty.

THÙ LAO, THƯỞNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013

Trong năm 2013, Công ty đã chi trả thù lao và thưởng hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2012 cho Hội đồng quản trị với tổng giá trị là 1.111.875.000 VNĐ. Chi tiết thù lao và thưởng của các thành viên Hội đồng quản trị như dưới đây :

VNĐ				
STT	HỌ VÀ TÊN	THÙ LAO NĂM 2013	THƯỞNG (HTKHLN 2012)	TỔNG
1	Trần Kim Liên	120.000.000	37.316.176	157.316.176
2	Lê Thị Lệ Hằng	120.000.000	53.308.824	173.308.824
3	Nguyễn Khắc Hải	120.000.000	53.308.824	173.308.824
4	Trần Đình Long	120.000.000	53.308.824	173.308.824
5	Nguyễn Thị Trà My	120.000.000	-	120.000.000
6	Phạm Ngọc Lý	120.000.000	37.316.176	157.316.176
7	Đỗ Bá Vọng	120.000.000	37.316.176	157.316.176
CỘNG				1.111.875.000

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT



Năm 2013, Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty CP Giống cây trồng Trung ương đã có 2 cuộc họp tập trung và 4 chuyến kiểm soát tại các đơn vị trực thuộc và chi nhánh của công ty, nhằm thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban điều hành, đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản trị Công ty.

Theo đó, BKS đã tham gia đầy đủ các phiên họp của HDQT với vai trò quan sát viên để nắm tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đưa ra và tham gia đóng góp ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Công ty cụ thể như sau:

Giám sát hoạt động tài chính của Công ty

Qua công tác giám sát hoạt động tài chính của công ty, Ban kiểm soát đánh giá công ty đã hoàn thành các kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Đồng thời, các báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, đầy đủ, chính xác, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Các khoản chi phí, khoản trích lập dự phòng công nợ, hàng tồn kho, khoản thu khó đòi thực hiện theo đúng Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và theo quy chế quản lý của công ty đã ban hành

Công ty chấp hành đầy đủ các quy định về việc công bố thông tin, kiểm toán và thực hiện việc soát xét báo cáo tài chính theo đúng quy định của luật chứng khoán và công ty niêm yết.

Quý lương của Công ty, thù lao cho thành viên HĐQT và Ban kiểm soát thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và các quy chế quản lý công ty ban hành năm 2013.

Ban kiểm soát đồng ý cơ bản với các đánh giá hoạt động tài chính của Công ty và tổ chức kiểm toán độc lập (công ty TNHH Deloitte Việt Nam).

Giám sát hoạt động của HĐQT, ban Tổng giám đốc và bộ máy điều hành Công ty

Trong năm qua, HĐQT và bộ máy điều hành Công ty đã hoàn thành các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra, duy trì tốc độ tăng trưởng trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác.

HDQT và bộ máy điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị đã được HĐQT thực hiện đúng theo quy định luật đầu tư, luật XDCB và đảm bảo tiến độ, chất lượng. Cụ thể:

- Dự án đầu tư nâng cấp trại thực nghiệm Khoái Châu: 1.6 tỷ đồng.
 - Trung tâm nghiên cứu: 462 triệu đồng
 - Mua sắm thiết bị, phương tiện vận tải: 5,9 tỷ đồng
- ▶ Dự án xây dựng văn phòng Công ty thực hiện chậm so với kế hoạch.
 - ▶ Công ty đã dẫn hoàn thiện hệ thống định mức, hệ thống báo cáo quản trị hàng ngày đã đáp ứng được yêu cầu quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty đã sửa đổi bổ sung quy chế lương và việc đánh giá cán bộ đã gắn kết chặt chẽ giữa các bộ phận gián tiếp và trực tiếp với kết quả sản xuất kinh doanh.
 - ▶ Trong quản trị rủi ro, công ty đã ban hành quy chế quản trị rủi ro và xây dựng hạn mức công nợ cho từng đơn vị, từng khách hàng, không phát sinh nợ xấu. Tuy nhiên, trong quá trình quản lý công nợ tại một số đơn vị vẫn còn tồn tại việc chưa có sự quan tâm đúng mức, chưa theo sát cơ cấu doanh thu mùa vụ và có sự phối hợp chặt chẽ giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận kế toán đơn vị.
 - ▶ Các quy chế, quy trình hoạt động của Công ty được triển khai, thực hiện cơ bản đúng và đầy đủ, có sự giám sát chặt chẽ của các bộ phận chức năng; các rủi ro trong hoạt động được giảm thiểu đến mức thấp nhất trong khả năng cho phép.

Qua quá trình kiểm tra, kiểm soát, BKS đề nghị Công ty đẩy nhanh các hoạt động xây dựng trụ sở chính, hệ thống kho chế biến (dự án Đồng Văn), rà soát và phối hợp chặt chẽ hơn nữa về công tác quản lý hạn mức công nợ khách hàng tại đơn vị.

Về vấn đề Thù lao cho Ban kiểm soát, trong năm 2013, Công ty đã chi tổng số tiền 150.000.000 VND thù lao cho toàn bộ ban kiểm soát. Mức thù lao cụ thể dành cho từng thành viên Ban kiểm soát như dưới đây:

STT	HỌ VÀ TÊN	THÙ LAO NĂM 2013	TỔNG
II	Ban Kiểm soát		150.000.000
1	Cao Duy Hà	50.000.000	50.000.000
2	Nguyễn Khánh Quỳnh	50.000.000	50.000.000
3	Đỗ Tiến Sỹ	50.000.000	50.000.000



TRƯỚC NHỮNG BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG VỚI NHIỀU RỦI RO TIỀM ẨN, VINASEED CHÚ TRỌNG VIỆC PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN NHỮNG NGUY CƠ RỦI RO TIỀM ẨN TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH. VINASEED LUÔN THỰC HIỆN NGHIÊM TÚC, THƯỜNG XUYÊN VÀ CÓ HỆ THỐNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, QUY CHẾ CỦA CÔNG TY, ĐẢM BẢO TÍNH TUÂN THỦ, TRUNG THỰC VÀ TRÌNH ĐỘ NGHIỆP VỤ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CẢI TIẾN QUY TRÌNH LÀM VIỆC VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY. VINASEED CŨNG CHỦ ĐỘNG CÓ NHỮNG BIỆN PHÁP XÁC ĐỊNH VÀ XỬ LÝ CÁC YẾU TỐ RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA.

Các loại rủi ro được công ty đánh giá và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa bao gồm:

I. RỦI RO TÍN DỤNG

Đây là rủi ro có nguyên nhân chính phát sinh từ việc các đối tác của Vinaseed không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện những nghĩa vụ này chậm so với thời gian đã quy định.

Để phòng ngừa rủi ro này, công ty đã lập danh sách phân nhóm cho đối tượng khách hàng. Đối với những nhóm khác hàng có sự tin tưởng kém, Công ty áp dụng dụng chính sách ký quỹ, thanh toán 100% tiền hàng trước khi giao hàng, bổ sung nhận tài sản đảm bảo (như sổ đỏ, giấy tờ có giá trị khác,...)

Ngoài ra, rủi ro tín dụng có khả năng gây ảnh hưởng đến các khoản đầu tư tiền gửi có kỳ hạn. Vinaseed đã chủ động phòng ngừa đối với các hoạt động tiền gửi có kỳ hạn thông qua việc chỉ thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng có uy tín được xếp hạng tín dụng tốt như: Vietinbank, Agribank, MB.

II. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi công ty gặp khó khăn trong việc chuyển đổi tài sản thành tiền hay thiếu tài sản để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán với khách hàng.

Với Vinaseed, đây là rủi ro được đánh giá ở mức độ thấp do Công ty luôn có kế hoạch quản trị nguồn vốn hiệu quả. Từ năm 2004 đến nay, Công ty chưa xảy ra trường hợp mất thanh khoản nào.

III. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động gây tổn thất do sự thiếu hụt hoặc vận hành không đúng các quy trình hệ thống của Công ty cũng như tổn thất do các sự kiện khách quan bên ngoài tác động.

Với hệ thống 14 xí nghiệp, chi nhánh và công ty liên kết trải dài khắp từ Bắc vào Nam, rủi ro hoạt động luôn hiện hữu trong tất cả các hoạt động và giao dịch của Vinaseed. Các rủi ro về hoạt động chủ yếu bao gồm: Rủi ro Pháp chế và tuân thủ; Rủi ro Quản trị nguồn nhân lực, Rủi ro Vận hành, Rủi ro Hệ thống và bảo mật thông tin.

- Rủi ro Pháp chế và tuân thủ có nguyên nhân chủ yếu là do Công ty không tuân thủ theo các quy định của pháp luật, rủi ro pháp lý, rủi ro về hợp đồng, rủi ro liên quan đến tranh chấp.
- Rủi ro quản trị nguồn nhân lực xảy ra khi doanh nghiệp thiếu hụt nguồn lao động chủ chốt, hoặc nhân sự có kỹ năng làm việc không phù hợp.
- Rủi ro vận hành xảy ra khi có sai sót trong quy trình làm việc, nhân viên thực hiện vượt quyền, sai quy chế, gian lận nội bộ, gian lận trộm cắp bên ngoài, hoặc do quản lý không hiệu quả của bên thứ ba.
- Rủi ro hệ thống và bảo mật thông tin xảy ra khi doanh nghiệp mất hoặc rò rỉ thông tin, sai lệch hoặc mất dữ liệu hệ thống, hoặc hệ thống quản trị thông tin không phù hợp.

Năm 2013 ngoài ban kiểm soát của HĐQT, Vinaseed còn chủ động thành lập ban kiểm soát nội bộ với thành phần bao gồm một Phó Tổng giám đốc cùng bốn thành viên có nhiệm vụ định kỳ, đột xuất kiểm tra các hoạt động của toàn công ty và

các đơn vị thành viên. Với mục tiêu giảm thiểu tối đa rủi ro trong hoạt động, Vinaseed đã liên tục xây dựng và cập nhật mô tả công việc nhiệm vụ, quy trình của từng vị trí làm việc trong công ty.

IV. RỦI RO LUẬT PHÁP

Hoạt động sản xuất kinh doanh của NSC chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế có liên quan và các quy định, nghị định pháp luật khác của Việt Nam.

Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình phát triển, tuy nhiên khung pháp lý và luật pháp vẫn đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện, chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi và gây ra những ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy chưa từng xảy ra trong Công ty nhưng với Vinaseed, việc phòng ngừa rủi ro pháp luật luôn được đặt lên hàng đầu. Năm 2013, Công ty thành lập ban pháp chế với mục đích rà soát, cập nhật liên tục toàn bộ văn bản pháp luật liên quan nhằm chủ động trong mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

V. RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm

Rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm xảy ra khi NSC mất các thị trường tiêu thụ sẵn có hoặc không xâm nhập được vào thị trường mục tiêu do sự tác động của các yếu tố bên ngoài hoặc do sản phẩm, chính sách của công ty không đủ cạnh tranh.

Trên thực tế, mặc dù là đầu vào quan trọng cho ngành nông nghiệp trong nước, lĩnh vực giống cây trồng ở nước ta chỉ mới phát triển trong vòng 20 năm trở lại đây do xu hướng của người nông dân đã chuyển sang lựa chọn mua các giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng và tính chống chịu tốt thay vì việc giữ giống của mùa vụ trước để tiết kiệm chi phí.

Tuy nhiên, ngành giống cây trồng của Việt Nam hiện tại có quy mô nhỏ, thị trường khá phân tán và manh mún với hơn 260 doanh nghiệp hoạt động tại các địa phương trên cả nước, trong đó chỉ 5 doanh nghiệp lớn là Công ty Cổ phần giống

Cây trồng Miền Nam, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Trung Ương, Tổng Công ty Giống Cây trồng Thái Bình, Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, Công ty TNHH 1 thành viên SD Giống Cây trồng An Giang trực tiếp đầu tư nghiên cứu và cung ứng giống (chi phối khoảng 30% thị phần giống cây trồng của cả nước). Các doanh nghiệp còn lại chủ yếu là các công ty thương mại, nhập khẩu giống đáp ứng cho nhu cầu ngắn hạn của từng địa phương. Điều này dẫn đến một thực tế là hiện nay giống trong nước phải cạnh tranh với giống nhập khẩu, mỗi địa phương lại có 1 bộ giống riêng, chưa có giống chủ lực của từng vùng khiến chất lượng nông sản không đồng đều, khó cạnh tranh, giá bán thấp...

Để đối phó với rủi ro này, Vinaseed liên tục khảo sát, đánh giá phân tích nhu cầu thị trường, tập trung nghiên cứu, chuyển giao công nghệ các bộ giống chất lượng ngắn ngày có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh như RVT, HN88... đã được thị trường tiếp nhận tích cực và đánh giá cao. Ngoài ra, Vinaseed liên tục đưa ra các biện pháp chiết khấu, cử cán bộ đào tạo hướng dẫn kỹ thuật miễn phí cho người dân nhằm nâng cao hiệu quả cho người nông dân.

Rủi ro về thời tiết

Thời tiết được đánh giá là rủi ro quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất của Công ty cũng như đến việc gieo trồng của nông dân, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng và sản lượng tiêu thụ hạt giống của Vinaseed.

Việc sản xuất hàng hóa tập trung chủ yếu tại Tây nguyên và miền Trung, nơi có điều kiện thời tiết ngày càng khắc nghiệt, mưa bão hạn hán xảy ra thường xuyên đã ảnh hưởng rất nhiều đến sản lượng và chất lượng sản phẩm của Vinaseed.

Để đối phó với rủi ro này, chúng tôi đã chủ động mở rộng vùng sản xuất và diện tích sản xuất tại các vùng sinh thái khác nhau nhằm đảm bảo lượng hàng cung ứng cho thị trường. Đồng thời, Vinaseed cũng đầu tư xây dựng kho bãi bảo quản hàng hóa để đảm bảo đầy đủ lượng hàng hóa cung cấp trong trường hợp xảy ra thiên tai. Vinaseed cũng áp dụng nghiên cứu phát triển các sản phẩm chống chịu rét, hạn hán, kháng sâu bệnh tại các vùng sinh thái khác nhau.

Rủi ro về diện tích đất nông nghiệp

Đất đai là nguồn lực quan trọng đối với quốc gia trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong quá trình đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế bền vững. Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp của Việt Nam rất manh mún và phân tán do những đặc thù về điều kiện địa hình, mật độ dân

số, cách phân bổ đất đai, yếu tố văn hóa và lịch sử. Trung bình một hộ dân có 5 -7 mảnh đất khác nhau, tổng khoảng cách từ nơi ở đến ruộng của các hộ dân là khoảng 4,7km (*Báo cáo điều tra tiếp cận nguồn lực hộ gia đình -Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn 2010*).

Bên cạnh đó, diện tích đất nông nghiệp Việt Nam đang dần mất đi do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Tại hội thảo Quy hoạch sử dụng đất đai và việc xây dựng chiến lược quản lý tài nguyên đất đai dài hạn cho Việt Nam ngày 01/10/2013, Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam cũng cho rằng, với tốc độ đô thị hóa như hiện nay, diện tích đất nông nghiệp sẽ ngày càng bị thu hẹp. Dự báo đến 2015, Việt Nam có tổng cộng 870 đô thị, đến 2025 có khoảng 1.000 đô thị, tương đương với nhu cầu sử dụng đất xây dựng đô thị lần lượt là 335.000 ha và 400.000 ha. Ngoài ra, dự báo đến năm 2100, nếu nước biển dâng 75cm thì diện tích bị ngập ở đồng bằng sông Cửu Long là 18,8%, tương đương 758.000 ha.

Những yếu tố trên đây có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngành nông nghiệp nói chung và ngành giống cây trồng nói riêng.

Đối phó với rủi ro này, Công ty đã có những biện pháp hợp tác với các cấp chính quyền địa phương chủ động cơ cấu lại diện tích giống cây trồng, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng nhằm nâng cao thu nhập cho người dân. Bên cạnh đó, Công ty cũng hợp tác với các công ty lương thực xây dựng chuỗi giá trị lúa gạo giúp người dân tìm đầu ra cho sản phẩm của mình.

Rủi ro về hoạt động đầu tư

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 35/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21/12/2013, tổng nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty dự kiến tăng lên trên 600 tỷ. Phần lớn số tiền thu được sẽ được sử dụng cho mục tiêu đầu tư vào chuỗi các công ty mục tiêu cùng ngành và cùng chuỗi giá trị sản xuất nhằm mở rộng quy mô Công ty, mở rộng thị trường, hệ thống kho hàng, vùng nguyên liệu ... Tuy nhiên, kế hoạch đầu tư vào các công ty này sẽ cần nhiều thời gian nghiên cứu, tìm hiểu, đàm phán và chưa tạo ngay được lợi nhuận như kỳ vọng, đồng thời những khó khăn trong quá trình quản trị, điều hành sẽ tạo áp lực lớn lên ban lãnh đạo và nguồn lực Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Vinaseed đã thành lập Ban đầu tư trực thuộc HĐQT với nhiệm vụ phụ trách tư vấn đánh giá hiệu quả các hoạt động đầu tư cho Công ty. Ngoài ra, Công ty còn luôn tổ chức đào tạo xây dựng đội ngũ cán bộ để bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu mở rộng của Công ty.

Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo diễn ra trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra, nhưng nếu có sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KHÔNG PHẢI LÀ VẤN ĐỀ MỚI TẠI VIỆT NAM NHƯNG VIỆC THỰC THI VÀ ĐƯA VẤN ĐỀ NÀY LỒNG GHÉP TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÒN ĐƯỢC ÍT DOANH NGHIỆP ÁP DỤNG. VINASEED ĐÃ NHẬN THỨC RÕ TẦM QUAN TRỌNG VÀ ĐẶT PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀM YẾU TỐ TRỌNG TÂM TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH. CHÚNG TÔI TIN RẰNG, ĐIỀU ĐÓ SẼ GÓP PHẦN LÀM TĂNG THÊM GIÁ TRỊ VÀ TẠO NÊN NHỮNG THÀNH CÔNG TIẾP THEO CỦA CÔNG TY. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VINASEED ĐƯỢC THỰC HIỆN CĂN CỨ THEO BỘ TIÊU CHÍ CỦA TỔ CHỨC SÁNG KIẾN BÁO CÁO TOÀN CẦU (GLOBAL REPORTING INITIATIVE - GRI) VÀ HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA IFC, NHẪM ĐỂ CẬP ĐẦY ĐỦ TÁC ĐỘNG CỦA MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, ĐÓ LÀ GẮN KẾT TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG VÀ GẮN KẾT CÁC BÊN HỮU QUAN.

“TẠI VINASEED, CHÚNG TÔI XÁC ĐỊNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ TRÁCH NHIỆM KHÔNG CHỈ CỦA BAN LÃNH ĐẠO MÀ CẦN SỰ CHUNG TAY CỦA TẤT CẢ THÀNH VIÊN TRONG CÔNG TY”

Báo cáo phát triển bền vững của Vinaseed phản ánh kết quả hoạt động trong năm 2013 của Công ty mẹ và các Công ty con, đồng thời đề cập đến định hướng và mục tiêu của Vinaseed trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững.

Việt Nam là 1 trong 10 nước trên thế giới chịu tác động nhiều nhất từ biến đổi khí hậu, thiên tai liên tiếp xảy ra và người nông dân là đối tượng chịu hậu quả nặng nề nhất khi mất mùa diễn ra thường xuyên, tỷ lệ nghèo dưới chuẩn còn cao. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp giống cây trồng, chúng tôi xác định công ty muốn phát triển bền vững cần kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với thực hiện phát triển xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo hài hoà lợi ích của tất cả các bên liên quan để từ đó đóng góp chung cho sự phát triển của cộng đồng.

CƠ CẤU QUẢN TRỊ CỦA VINASEED VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Vấn đề phát triển bền vững được thực hiện xuyên suốt toàn Công ty từ cấp Hội đồng quản trị đến Ban điều hành, các chi nhánh, xí nghiệp thành viên và phòng ban chức năng của Công ty, cụ thể như sau:

CẤP ĐỘ	NỘI DUNG
Hội đồng quản trị	Ban hành chiến lược phát triển bền vững triển khai trong toàn Công ty.
Ban điều hành	Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của doanh nghiệp thông qua xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng phòng/ ban chức năng và các chi nhánh, xí nghiệp thành viên.
Chi nhánh, Xí nghiệp thành viên	Triển khai vấn đề phát triển bền vững trong hoạt động thực tế của chi nhánh, Xí nghiệp thành viên: Xây dựng mục tiêu, triển khai, giám sát kết quả thực hiện của đơn vị và báo cáo lên Công ty mẹ.
Phòng/Ban	Triển khai theo các hoạt động hướng đến phát triển bền vững theo kế hoạch và chỉ tiêu xây dựng từ đầu năm.

CAM KẾT CỦA NSC

Vinaseed luôn đảm bảo lợi ích của tất cả các bên liên quan, xây dựng và phát triển mối quan hệ dựa trên tiêu chí đáp ứng lợi ích lâu dài cho các bên. Mối quan hệ này được duy trì dựa trên sự tin cậy, tính minh bạch và đề cao các chuẩn mực đạo đức kinh doanh. Việc khảo sát, lắng nghe ý kiến từ các bên liên quan giúp cho Vinaseed hiểu được mối quan tâm và kì vọng của họ phản ánh trong hoạt động kinh doanh cũng như các chiến dịch marketing và truyền thông của Công ty.

ĐỐI TƯỢNG	NỘI DUNG CAM KẾT
Khách hàng	Với quan điểm Khách hàng là trung tâm của doanh nghiệp, Vinaseed đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu để phát triển các sản phẩm tối ưu, đáp ứng tối đa nhu cầu của Khách hàng.
Cổ đông	Vinaseed cam kết thực hiện đầy đủ quyền lợi của Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành, cũng như tuân thủ việc thực hiện điều lệ của Công ty và các quy định liên quan. Chúng tôi ý thức được yêu cầu phải cung cấp thông tin cho Cổ đông và Nhà đầu tư một cách đầy đủ, minh bạch, kịp thời và liên tục thực hiện nhiều giải pháp để đáp ứng công tác thông tin cho cổ đông.
Đối tác kinh doanh	Vinaseed trân trọng các Đối tác kinh doanh và mong muốn duy trì mối quan hệ hợp tác này một cách bền vững, trên cơ sở hài hòa lợi ích cho tất cả các bên liên quan.
Chính phủ	Vinaseed cam kết tuân thủ tất cả các quy định của pháp luật hiện hành, kinh doanh có hiệu quả và, công khai, minh bạch.
Nhân viên	Vinaseed đánh giá cao yếu tố con người và coi đây là nhân tố hàng đầu trong sự thành công của Doanh nghiệp. Do đó, công ty chủ trương xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp để tạo điều kiện phát triển cho tất cả nhân viên, đồng thời đảm bảo chế độ đãi ngộ cạnh tranh cho tất cả người lao động của công ty.
Cộng đồng	Vinaseed tình nguyện thực hiện các hoạt động đóng góp cho xã hội, chung sức vì sự phát triển Cộng đồng bằng tất cả tình cảm, trách nhiệm của mình đối với cuộc sống của con người và xã hội.

CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

► **Các hoạt động nâng cao hiệu quả kinh tế**

- Cung cấp trên 1 triệu ha giống cây trồng có chất lượng tốt, có khả năng chống chịu với sâu bệnh và biến đổi khí hậu giúp nông dân nâng cao hiệu quả trồng trọt, có điều kiện cải thiện đời sống.
- Chuyển giao thành công 5 giống lúa và giống ngô mới có năng suất và chất lượng vượt trội, đặc biệt là các giống rau lai nhiệt đới (Bí xanh TARA, FUJJI, GOLD star...), giúp cho nông dân có thể tăng vụ và tăng thu nhập gấp 4 lần so với việc sử dụng các giống cây trồng trước đây. Đào tạo cách trồng trọt miễn phí cho hàng vạn bà con nông dân và bao tiêu sản phẩm giúp thu nhập của bà con tăng 30% so với sản xuất thông thường.
- Xây dựng đội ngũ chuyên gia công nghệ trong ngành giống và hình thành những làng nghề công nghệ cao trong nông thôn, góp phần thay đổi tư duy sản xuất nông nghiệp và nâng cao dân trí, tạo việc làm cho trên hai vạn hộ nông dân và giúp thực hiện công cuộc xây dựng nông thôn mới.
- Xây dựng quan hệ bền vững với các nhà đầu tư, tối đa hóa giá trị Công ty bằng những hoạt động kinh tế hợp lý : Công ty luôn đặt lợi ích của cổ đông là kim chỉ nang cho mọi hoạt động, duy trì tốc độ tăng trưởng đều đặn 20% về doanh thu và lợi nhuận qua các năm; Duy trì mức chi trả cổ tức 30% bằng tiền mặt; Chủ động công bố và minh bạch thông tin qua các phương tiện truyền thông.

► **Các hoạt động bảo vệ môi trường**

- Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường như tiết kiệm điện, nước, vệ sinh môi trường nơi làm việc.
- Tổ chức đào tạo cán bộ công nhân viên có ý thức trong việc bảo vệ môi trường sống; Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo phổ biến cho nhân viên về ý thức tiết kiệm trong làm việc cũng như trong các hoạt động khác.
- Tập trung nghiên cứu tạo giống có khả năng chống chịu với sâu bệnh để giảm thiểu sử dụng thuốc trừ sâu gây ô nhiễm nguồn nước và không khí như các giống ngô nếp lai F1 HN68, HN88; Các giống lúa thuần chất lượng cao VS1, giống lúa thơm chất lượng cao Trân Châu Hương, RVT...
- Sử dụng các loại bao bì có thể tiêu hủy không tồn dư trong đất.

► **Các hoạt động đóng góp cho xã hội**

- Trong năm 2013, Công ty đã tham gia các hoạt động từ thiện như hỗ trợ giống cây trồng, xây nhà tình nghĩa cho bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình nghèo; Đóng góp tiền lương hỗ trợ đồng bào lũ lụt; Tham gia các chương trình khác cùng mặt trận Tổ Quốc các tỉnh Hà Tĩnh, Lào Cai, Quảng Nam, Tây Ninh như xây nhà tình nghĩa, tặng áo ấm,...
 - Tháng 11/2013, Vinaseed đã hỗ trợ tỉnh Hà Tĩnh 200 triệu đồng từ nguồn đóng góp của cán bộ công nhân viên nhằm hỗ trợ đồng bào miền Trung vượt khó khăn sau cơn bão Hải Yến lịch sử. Cũng trong hoạt động này, Vinaseed phối hợp với chính quyền địa phương tặng 10 triệu đồng cho các gia đình thuộc diện đặc biệt khó khăn của huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh.
 - Vinaseed đã tổ chức quyên góp quần áo, sách vở và các vật phẩm thiết yếu cho cuộc sống với giá trị trên 100 triệu đồng giúp đỡ, khuyến khích các em học sinh tại Trường dân tộc nội trú tỉnh Lào Cai.
 - Tri ân hỗ trợ các hộ nghèo, gia đình thương binh liệt sỹ: Vinaseed đã tổ chức phối hợp với chính quyền địa phương tỉnh Quảng Nam, Tây Ninh xây 6 ngôi nhà giúp đỡ các gia đình liệt sỹ, các hộ nghèo tại tỉnh với giá trị trên 350 triệu đồng.
- Tham gia cùng chính quyền địa phương thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo như Chương trình phát triển nông thôn mới, Chương trình xóa đói giảm nghèo cho các tỉnh miền núi phía Bắc, giải quyết

cho cấp tín dụng sản xuất không lấy lãi và đặc biệt chương trình bảo hiểm sản xuất đối với sản xuất hạt lai đã giúp cho nông dân nhiều tỉnh có cơ hội tiếp cận với khoa học tiên tiến.

- Đào tạo nghề miễn phí cho hàng vạn nông dân trong vùng sản xuất.
- Thắt chặt mối quan hệ với nhân viên thông qua việc xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tạo cơ hội thăng tiến cho tất cả CBCNV có năng lực không phân biệt giới tính, khu vực và tôn giáo, thực hiện chế độ khen thưởng định kỳ và đột xuất đối với nhân viên có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có sáng kiến cải tiến. Vinaseed luôn quan tâm đến việc chăm lo sức khỏe cho người lao động thông qua việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên và người thân.
- Xây dựng mối quan hệ bền vững với khách hàng thông qua việc phát triển các sản phẩm, không ngừng nghiên cứu sáng tạo, tìm ra những giống cây trồng có chất lượng, năng suất tốt để cải thiện sự hài lòng của khách hàng. Định kỳ 6 tháng, Công ty lấy phiếu đóng góp của khách hàng về mức độ hài lòng của dịch vụ và sản phẩm, tổ chức hội nghị khách hàng để giới thiệu sản phẩm mới, tổ chức cho khách hàng tham quan nhà máy, thành lập đường dây nóng để ghi nhận các ý kiến phản hồi của khách hàng.





CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VINASEED GIAI ĐOẠN 2014 - 2016 - TẦM NHÌN 2020 VÀ KẾ HOẠCH 2014



1. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2014

Năm 2014, mặc dù kinh tế thế giới đã có tín hiệu phục hồi, kinh tế - xã hội nước ta có chuyển biến tích cực nhưng khó khăn, thách thức còn lớn khi cầu nội địa giảm, khu vực ngân hàng thu hẹp, tăng trưởng tổng sản phẩm quốc gia chỉ đạt 5,42% so với mức kế hoạch là 5,5%. Tốc độ phát triển nông nghiệp đang giảm dần và bộc lộ nhiều yếu kém của nền kinh tế dựa trên kinh tế hộ manh mún, thiếu liên kết, năng suất và chất lượng thấp trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt diễn ra tại thị trường nội địa và thị trường nước ngoài. Đặc biệt, nếu khả năng Việt Nam gia nhập TPP thành công trong năm 2014 thì ngành nông nghiệp là lĩnh vực chịu tác động rất lớn khi TPP mở ra nhiều triển vọng mới nhưng đi kèm với đó là những thách thức rất lớn do năng lực cạnh tranh của ngành thấp. Vì vậy, Chính phủ, ngành phải đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, trong đó phải tập

trung thực hiện đồng thời việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và tái tổ chức sản xuất nông nghiệp.

Trong năm 2014, Chính phủ đặt mục tiêu tổng quát là tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát ở mức thấp thay vì đẩy mạnh tăng trưởng (Mục tiêu tăng trưởng được đặt ở mức 5,6 - 5,8%, cao hơn mức tăng trưởng năm 2013 nhưng thấp hơn trung bình nhiều năm trở lại đây). Tốc độ tăng trưởng thấp sẽ ảnh hưởng lớn đến đầu tư và phần nào khiến sản xuất nông nghiệp chưa khởi sắc.

2. TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN NGÀNH TRỒNG TRỌT VÀ CƠ HỘI CHO VINASEED

Đối với ngành trồng trọt thì giống cây trồng là lĩnh vực sản xuất và cung cấp tư liệu sản xuất chủ yếu và có vai trò quyết định đến khả năng cạnh tranh của ngành trong việc nâng cao giá trị sản lượng hàng hóa nông nghiệp. Năm 2013, quy

mô ngành giống cây trồng Việt Nam đạt khoảng 430 triệu USD, trong đó nhập khẩu chiếm khoảng 35% (chỉ tính riêng thị trường giống lúa, ngô và rau). Dự báo đến năm 2020, quy mô thị trường khoảng 1,7 tỷ USD (dự báo dựa trên tốc độ tăng trưởng thị trường là 13%). Hiện nay, mới có khoảng 30% diện tích trồng trọt được sử dụng giống hàng hóa và dự báo đến năm 2020, tỷ lệ này được nâng lên 70%. Với quy mô thị trường ngày càng được mở rộng, cơ hội cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp giống cây trồng cũng ngày một lớn hơn. Là một công ty giống cây trồng hàng đầu Việt Nam, Vinaseed có những lợi thế rõ ràng trong ngành này, có thể kể đến:

- ▶ Công ty có hiểu biết sâu về điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng và quan hệ hợp tác sản xuất tại địa phương, có nguồn gen bản địa phong phú giúp cho công tác lai tạo giống thích hợp tại Việt Nam.
- ▶ Công ty có hệ thống phân phối rộng khắp và đa dạng về hình thức.
- ▶ Có quyền thuê đất nông nghiệp và sử dụng đất nông nghiệp trong sản xuất giống tại các vùng sinh thái để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành và nâng cao sức cạnh tranh, đặc biệt đối với các giống nhiệt đới.

Đánh giá xu hướng phát triển ngành

Ngành trồng trọt hiện nay đang đi theo các xu hướng phát triển như sau:

- ▶ Xu hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, đồng thời tái cấu trúc theo hướng gia tăng giá trị trên mỗi đơn vị diện tích sản xuất và phát triển sản xuất theo lợi thế cạnh tranh nông sản nhiệt đới.
- ▶ Gia tăng giá trị sản xuất lúa gạo theo hướng giảm dần diện tích trồng lúa, nâng cao tỷ trọng giống lúa có chất lượng cao và giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch, giảm trung gian trong chuỗi giá trị lúa gạo.
- ▶ Chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng mở rộng diện tích trồng ngô, rau, đậu tương để thay thế hàng nhập khẩu, đáp ứng nguyên liệu cho thức ăn gia súc.
- ▶ Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao để thực hiện chuyên môn hóa và thúc đẩy quá trình phân công lại lao động trong nông nghiệp, gắn kết sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị ngành hàng từ khâu nghiên cứu đến cung cấp sản phẩm cuối cùng và gắn với chế biến nông sản.
- ▶ Xu hướng sáp nhập các công ty nhỏ với các công ty lớn

để mở rộng quy mô, nâng cao năng lực tài chính và sử dụng hợp lý tài nguyên đất và hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành.

Những thách thức của ngành

Mặc dù là ngành sản xuất cơ bản của xã hội, nhưng những thách thức đặt ra cho ngành nông nghiệp nói chung và giống cây trồng nói riêng không hề nhỏ. Có thể kể đến:

- ▶ Năng lực nghiên cứu, ứng dụng và nguồn vật liệu tạo giống tiên tiến, khả năng thích ứng và hội nhập quốc tế của ngành nông nghiệp còn hạn chế.
- ▶ Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc biệt là cơ sở nghiên cứu còn lạc hậu, nguồn lực tài chính còn hạn chế khi 90% các công ty giống của Việt Nam có quy mô vốn chỉ dưới 10 tỷ VNĐ.
- ▶ Năng lực cạnh tranh trong phân khúc cao cấp như nghiên cứu sản xuất hạt lai F1, sản phẩm GMO...và kinh nghiệm phát triển sản phẩm rất hạn chế, trong khi phải chịu áp lực cạnh tranh mạnh mẽ đến từ các tập đoàn đa quốc gia như Monsanto, CP, Syngenta...
- ▶ Kinh nghiệm quản trị ngành (bao gồm quản trị chiến lược, quản trị rủi ro và quản trị sự thay đổi...) còn yếu, thiếu sự liên kết trong chuỗi giá trị ngành và chất lượng hạt giống vẫn chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt là trong công tác chế biến và bảo quản cũng như tích hợp công nghệ để gia tăng giá trị hạt giống cây trồng.

Nhận định cơ hội của Vinaseed

Trong thời điểm hiện tại, Chính phủ đã ban hành rất nhiều chính sách vĩ mô thuận lợi cho sự phát triển ngành nông nghiệp. Các chính sách điển hình có thể kể đến: Nghị quyết số 26 NQ/TU Hội nghị Trung ương lần thứ 7 khóa X về nông nghiệp, nông thôn và nông dân cùng hàng loạt chính sách về khoa học công nghệ; Chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn như: Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn, QĐ 2194/QĐ - TTG của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020, Quyết định 1244/QĐ-TTG của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học công nghệ, Nghị định 80, 96 của chính phủ về doanh nghiệp KHCN và các chương trình sản phẩm trọng điểm quốc gia, Chương trình đổi mới khoa học công nghệ...với rất nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho ngành giống phát triển.

Để nắm bắt những điều kiện thuận lợi trong ngành giống cây trồng hiện nay, Công ty có đội ngũ nguồn nhân lực giàu kinh nghiệm, được đào tạo bài bản và có nhiều trải nghiệm, có khả năng thích ứng cao và đặc biệt tâm huyết gắn bó với công ty. Vinaseed cũng đã tạo dựng được uy tín và thương hiệu của công ty đối với bạn hàng trong nước và quốc tế, đồng thời tham gia và được hỗ trợ đầu tư thông qua các chương trình nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật mới cho nông nghiệp.

Vinaseed cũng là đơn vị được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lựa chọn tham gia vào chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó các sản phẩm chủ lực của công ty sẽ được thương mại hóa. Đây là thuận lợi rất cơ bản để công ty chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật đã nghiên cứu.

3. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2014 -2016 - TẦM NHÌN 2020

Trong giai đoạn 2014 -2016, Vinaseed định hướng tập trung cho công tác nghiên cứu phát triển, không ngừng tìm kiếm những công nghệ mới và đẩy nhanh quá trình thương mại các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp kết hợp với tích hợp công nghệ. Công ty chủ trương kinh doanh giống các cây trồng gắn với dịch vụ khoa học kỹ thuật, tăng cường đầu tư hiện đại hóa hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, thực hiện công nghiệp hóa ngành giống nhằm nâng cao chất lượng hạt giống cây trồng đạt tiêu chuẩn các nước trong khu vực và chuẩn mực quốc tế.

Đối với lĩnh vực kinh doanh: Công ty tập trung toàn bộ nguồn lực vào phát triển ngành nghề chính là sản xuất kinh doanh giống cây trồng nông, lâm nghiệp, trong đó tập trung vào phát triển các loại giống cây trồng chính là: Giống lúa, giống ngô, giống rau nhiệt đới, giống đậu và cây giống lâm nghiệp; Phát triển các giống cây trồng có năng suất và chất lượng cao, thời gian sinh trưởng ngắn, khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu tốt; Kinh doanh giống đi đôi với dịch vụ khoa học công nghệ, sản xuất kinh doanh theo hướng gia tăng giá trị hạt giống cây trồng kết hợp phát triển theo chuỗi giá trị sản phẩm.

Về thị phần, Vinaseed phấn đấu đạt mục tiêu như sau:

- ▶ Chi phối thị trường miền Bắc và Bắc Trung bộ.
- ▶ Mở rộng thị trường miền Nam, miền Trung Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung bộ và Đông Nam bộ.
- ▶ Đẩy mạnh xuất khẩu hạt giống ngô sang các nước trong khu vực, chú trọng thị trường Lào, Campuchia.
- ▶ Xuất khẩu giống rau nhiệt đới sang thị trường phía nam

Trung quốc như Quảng Tây, Quảng Đông và Vân Nam.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2016:

- ▶ Duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế từ 20 - 25%/năm.
- ▶ Mục tiêu thị phần hợp nhất khoảng 18% tổng thị phần của ngành.
- ▶ Doanh thu công ty mẹ Vinaseed đạt khoảng 1000 tỷ VNĐ.
- ▶ Cổ tức ổn định từ 30 - 50%/năm bằng tiền mặt.

Các giải pháp cụ thể để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty

- ▶ Tập trung đầu tư và nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng, mở rộng quan hệ hợp tác nghiên cứu với các nhà khoa học, các cơ sở nghiên cứu công lập (Viện di truyền, Viện lúa đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Nông nghiệp I ...), mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế với Viện ngô Smit, Viện lúa Irri, Đại học Nông nghiệp Tứ Xuyên, Viện nghiên cứu quốc tế Quảng Tây,...
- ▶ Phát triển nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển, trong đó tập trung vào đào tạo, xây dựng chính sách đãi ngộ và tạo môi trường làm việc tốt cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu, đội ngũ cán bộ cấp trung và kế cận cũng như đội ngũ cán bộ marketing và phát triển sản phẩm, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của công ty.
- ▶ Xây dựng hệ thống quản trị tiên tiến, minh bạch công khai và đặc biệt chú trọng đến quản trị rủi ro cho Công ty.
- ▶ Mở rộng quy mô và nâng cao năng lực tài chính của Công ty bằng cách tăng quy mô vốn điều lệ lên 150 tỷ; Thực hiện M&A trong ngành với yêu cầu các công ty mục tiêu phải là các đơn vị phát triển bền vững và có hiệu quả kinh doanh cao, đặc biệt phải có quý đất tốt; Mở rộng hợp tác với các đơn vị trong ngành để nâng cao năng lực sản xuất và khai thác lợi thế tại các vùng sinh thái trong cả nước.
- ▶ Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo môi trường làm việc, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng và thực hiện chính sách hàng tồn kho đối phó với diễn biến phức tạp của biến đổi khí hậu toàn cầu.

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2014

Trong năm 2014, Công ty đã đề ra các mục tiêu về tài chính như sau:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	THỰC HIỆN 2013	MỤC TIÊU 2014
1	Doanh thu	đồng	597.814.361.382	650.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế	đồng	96.109.636.027	115.000.000.000
3	Cổ tức bằng tiền mặt	%	30,0%	30%

(Kế hoạch 2014 chưa tính hợp nhất của các công ty mục tiêu).

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

1. Tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu phát triển (R&D), ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật trong công nghệ sinh học tạo giống để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, nhằm tạo ra các dòng sản phẩm năng suất, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.
2. Đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật. Tăng cường kiểm soát nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ đáp ứng tốt yêu cầu khách hàng.
3. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy quản trị để đáp ứng yêu cầu quy mô hoạt động mới của Công ty. Nâng cấp hệ thống quản trị thông tin doanh nghiệp thông suốt và thống nhất đáp ứng yêu cầu quy mô hoạt động ngày càng lớn của Công ty.
4. Tập trung thực hiện chiến lược đầu tư mua lại và hợp nhất các công ty hoạt động trong ngành giống và hợp tác kinh doanh trong chuỗi ngành giống. củng cố tổ chức và tăng cường công tác quản lý đối với công ty con và công ty liên kết.
5. Phát động phong trào thi đua trong toàn công ty hướng tới kỷ niệm 10 năm cổ phần hóa.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2014

TÊN DỰ ÁN, HẠNG MỤC	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ KIẾN	TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN		NGUỒN VỐN
		2014	2015	
I. Dự án xây dựng trụ sở văn phòng công ty	25.045.692.300	20.978.148.000		Nguồn vốn tự có. Kế hoạch tháng 12/2014 hoàn thiện.
II. Nâng cấp Trại thực nghiệm Khoái Châu	4.830.592.000	3.178.850.000		Nguồn vốn từ lợi nhuận được Ngân sách miễn giảm để lại cho DN KHCN 2011, 2012, 2013, 2014. Tháng 6/2014 xong
III. Dự án đầu tư Nhà máy chế biến, bảo quản và văn phòng làm việc Xí nghiệp Đông Văn (Hệ thống nhà kho công suất: 5000 tấn/năm, công suất chế biến đối với giống 10.000 tấn/năm, công suất chế biến đối với gạo: 12.000 tấn/năm). Dự án đã được ĐHCĐ thường niên 2012 thông qua.	81.501.011.000	57.050.707.700	24.450.303.300	Nguồn vốn sử dụng từ Lợi nhuận được Ngân sách miễn giảm để lại cho DN năm 2011, 2012, 2013 và 2014, Nguồn vốn tự có. Tháng 12/2014 xong hạ tầng và xây lắp
IV. Mua sắm thiết bị, phương tiện vận tải	5.000.000.000	5.000.000.000		Nguồn vốn tự có
TỔNG CỘNG	116.377.295.300	86.207.705.700	24.450.303.300	



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2013

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Lý	Thành viên
Ông Trần Đình Long	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên
Ông Đỗ Bá Vọng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21 tháng 3 năm 2013)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Trần Kim Liên	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Lý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Bá Vọng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công

bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

- ▶ Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- ▶ Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Kim Liên

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

SỐ: 809/VN1A-HN-BC

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2014, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho Cty TNHH Deloitte Viet Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mai Hương

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0897-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	-	347.080.557.892	301.221.701.258
(100=110+120+130+140+150)				
I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	5	54.122.278.528	49.657.164.227
1. Tiền	111		24.803.774.980	38.204.164.227
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.318.503.548	11.453.000.000
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120		-	3.615.030.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	3.615.030.000
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130		133.931.947.388	116.217.978.712
1. Phải thu khách hàng	131	6	129.985.760.207	108.993.268.513
2. Trả trước cho người bán	132		3.338.851.604	8.964.930.729
3. Các khoản phải thu khác	135		3.266.344.352	919.862.945
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.659.008.775)	(2.660.083.475)
IV. HÀNG TỒN KHO	140	7	157.261.771.278	131.054.367.612
1. Hàng tồn kho	141		158.657.902.071	132.324.228.281
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.396.130.793)	(1.269.860.669)
V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150		1.764.560.698	677.160.707
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.109.348.198	422.710.407
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		655.212.500	254.450.300
A. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.442.804.101	91.932.648.238
(200=220+250+260+269)				
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	220		66.631.302.682	67.422.650.341
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	55.258.926.351	57.308.210.750
- Nguyên giá	222		95.584.250.460	89.771.696.181
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.325.324.109)	(32.463.485.431)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	5.737.453.667	4.989.737.000
- Nguyên giá	228		9.066.787.000	7.066.787.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.329.333.333)	(2.077.050.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	5.634.922.664	5.124.702.591
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250		5.501.123.166	2.978.208.077
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	2.567.797.166	1.338.212.177
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	3.944.000.000	3.944.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(1.010.674.000)	(2.304.004.100)
III. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260		1.720.417.157	286.119.996
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.720.417.157	286.119.996
IV. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269		18.589.961.096	21.245.669.824
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		439.523.361.993	393.154.349.496

MẪU SỐ B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		112.319.344.688	121.438.691.203
I. NỢ NGẮN HẠN	310		112.238.020.688	121.295.397.203
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	186.968.000
2. Phải trả người bán	312		55.073.922.728	65.232.881.381
3. Người mua trả tiền trước	313		8.598.225.285	11.163.801.780
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	3.753.812.673	3.253.162.127
5. Phải trả người lao động	315		24.250.073.965	25.549.134.143
6. Chi phí phải trả	316		805.930.040	1.225.234.004
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	5.216.330.414	4.737.232.980
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		14.539.725.583	9.946.982.788
II. NỢ DÀI HẠN	330		81.324.000	143.294.000
1. Phải trả dài hạn khác	333		32.500.000	31.500.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		48.824.000	111.794.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		322.996.555.453	267.666.038.576
I. VỐN CHỦ SỞ HỮU	410	16	322.996.555.453	267.666.038.576
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.298.380.000	100.298.380.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54.797.592.850	54.797.592.850
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		77.136.109.555	56.695.016.847
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.013.067.593	9.096.851.620
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		77.489.277.455	46.516.069.259
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		262.128.000	262.128.000
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	17	4.207.461.852	4.049.619.717
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		439.523.361.993	393.154.349.496

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	ĐƠN VỊ	31/12/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND	2.221.386.527	13.922.866.527
2. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	208.213.500	208.213.500
3. Ngoại tệ các loại			
	USD	30.017,61	3.685,61
	CNY	41.521,42	642.551,64
	SGD	316,00	-
	LAK	1.000.000,00	-

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh
Hà Nội Ngày 17 Tháng 03 Năm 2014

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý



Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

BÁO CÁO KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		635.919.097.904	591.021.244.848
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		38.104.736.522	43.662.908.933
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	597.814.361.382	547.358.335.915
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	362.334.793.316	348.400.237.690
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		235.479.568.066	198.958.098.225
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	4.736.857.040	4.856.356.421
7. Chi phí tài chính	22	23	(407.635.663)	222.593.923
8. Chi phí bán hàng	24		85.914.503.372	73.627.187.747
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		57.489.581.195	51.382.702.853
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 + (21-22) - (24+25))	30		97.219.976.202	78.581.970.123
11. Thu nhập khác	31		2.138.925.791	1.868.365.392
12. Chi phí khác	32		213.429.808	24.872.138
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.925.495.983	1.843.493.254
14. Phần (lãi)/ lỗ trong công ty liên kết	45		(66.285.011)	(475.186.193)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		99.079.187.174	79.950.277.184
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	2.969.551.146	1.727.857.157
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		96.109.636.028	78.222.420.027
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		649.409.722	619.441.348
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		95.460.226.306	77.602.978.679
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	9.518	7.737

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh
Hà Nội Ngày 17 Tháng 03 Năm 2014

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

BÁO CÁO

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp trực tiếp)

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	554.251.241.262	512.334.347.703
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(423.791.896.652)	(374.002.155.605)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(53.584.151.716)	(37.567.977.839)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.801.044)	(153.380.038)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.642.571.538)	(2.223.334.913)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	26.110.846.178	43.071.801.698
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(63.875.714.520)	(60.978.963.919)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.460.951.970	80.480.337.087
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.012.845.150)	(19.245.376.773)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.818.182	260.000.000
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.785.750.500)	(6.168.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.400.780.500	1.800.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.006.325.000)	(144.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.789.815.010	2.752.772.152
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(612.506.958)	(20.744.604.621)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	13.305.434.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(186.968.000)	(13.492.396.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(30.103.563.500)	(28.893.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.290.531.500)	(29.080.662.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.557.913.512	30.655.070.466
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	49.657.164.227	19.007.092.447
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(92.799.211)	(4.998.686)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	54.122.278.528	49.657.164.227

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh
Hà Nội Ngày 17 Tháng 03 Năm 2014

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên

THUYẾT MINH

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty Giống cây trồng Trung ương I theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003628 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 02 năm 2004 và sửa đổi bổ sung theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101449271 thay đổi lần thứ 9 ngày 21 tháng 01 năm 2014.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương có 04 chi nhánh, 02 xí nghiệp, 01 nhà máy, 01 trại thực nghiệm, 01 Trung tâm nghiên cứu, 02 Văn phòng đại diện; 01 công ty con và 01 công ty liên kết như sau:

► Chi nhánh/Xí nghiệp:

- Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Ba Vì;
- Xí nghiệp Giống cây trồng Trung ương Đồng Văn;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thanh Hóa;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Thái Bình;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Vinh - Nghệ An;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Miền Trung và Tây Nguyên;
- Nhà máy chế biến Giống cây trồng Trung ương Thường Tín;
- Trại thực nghiệm Giống cây trồng Trung ương Khoái Châu;
- Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao Công nghệ Giống cây trồng Trung ương.

► Văn phòng đại diện:

- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương tại tỉnh Udomxay - CHDCND Lào;
- Văn phòng đại diện tại Tây Ninh.

► Công ty con:

- Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây.

► Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 341 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 317 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là trồng trọt, kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng; gia công chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; và kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị ghi sổ tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị ghi sổ của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị ghi sổ của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2013. Công ty sử dụng giá trị ghi sổ của tài sản, công nợ của công ty con tại ngày mua và so sánh với giá mua để xác định lợi thế thương mại thay vì sử dụng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo

phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

		NĂM 2013
STT	TÀI SẢN	SỐ NĂM
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
2	Máy móc, thiết bị	5 - 7
3	Phương tiện vận tải	6 - 10
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6
5	Tài sản khác	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được phân bổ do không có thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng. Bản quyền được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 5 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Theo các quy định về ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ số 03/DNKHCN ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp; và Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với kết quả sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm, hàng hoá hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ kể từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hoá hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu. Năm 2013 là năm thứ ba Công ty đáp ứng được các điều kiện nêu trên. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi trong năm được xác định theo thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm, hàng hoá hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	4.554.097.398	6.098.539.428
Tiền gửi ngân hàng	20.249.677.582	32.105.624.799
Các khoản tương đương tiền	29.318.503.548	11.453.000.000
	54.122.278.528	49.657.164.227

Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Cục Trồng trọt	16.484.000.000	
Trung tâm Giống cây trồng Bình Định	6.840.250.000	603.840.000

Công ty TNHH Giống cây trồng Hải Anh	2.624.129.975	2.624.129.975
Công ty Giống cây trồng nông nghiệp Điện Biên	1.980.000.000	3.362.900.000
Phải thu cá nhân và các đối tượng khác	102.057.380.232	102.402.398.538
	129.985.760.207	108.993.268.513

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.500.183.824	12.327.240.331
Công cụ, dụng cụ	22.113.760	3.627.360
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.734.604.670	671.724.552
Thành phẩm	112.518.242.764	97.106.023.842
Hàng hoá	30.882.757.053	22.215.612.196
Cộng	158.657.902.071	132.324.228.281
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.396.130.793)	(1.269.860.669)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	157.261.771.278	131.054.367.612

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

STT	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC, THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC	CỘNG
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	47.625.798.163	29.609.910.195	11.417.426.723	948.246.100	170.315.000	89.771.696.181
Tăng từ mua sắm	2.609.465.000	454.341.800	3.680.928.000	175.334.000	-	6.920.068.800
Thanh lý	-	(68.000.000)	-	-	-	(68.000.000)
Giảm khác (*)	(265.322.621)	(305.859.800)	-	(458.017.100)	(10.315.000)	(1.039.514.521)
Tại ngày 31/12/2013	49.969.940.542	29.690.392.195	15.098.354.723	665.563.000	160.000.000	95.584.250.460
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 31/12/2013	19.581.068.310	14.822.474.662	5.264.821.579	501.709.527	155.250.031	40.325.324.109
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	30.388.872.232	14.867.917.533	9.833.533.144	163.853.473	4.749.969	55.258.926.351
Tại ngày 31/12/2012	30.604.502.527	18.899.019.244	7.456.630.254	331.917.692	16.141.033	57.308.210.750

THUYẾT MINH

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

(*) Trong năm, Công ty đã phân loại lại các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 VND sang tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 10.714.374.213 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 8.777.059.542 VND).

Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 278.119.042 VND (31 tháng 12 năm 2012: 592.860.957 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã trả toàn bộ gốc vay nhưng chưa thực hiện xong thủ tục giải chấp tài sản.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	BẢN QUYỀN	PHẦN MỀM MÁY TÍNH	CỘNG
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	2.395.787.000	4.600.000.000	71.000.000	7.066.787.000
Mua trong năm	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Tại ngày 31/12/2013	2.395.787.000	6.600.000.000	71.000.000	9.066.787.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	60.000.000	1.946.050.000	71.000.000	2.077.050.000
Khấu hao trong năm	60.000.000	1.192.283.333	-	1.252.283.333
Tại ngày 31/12/2013	120.000.000	3.138.333.333	71.000.000	3.329.333.333
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	2.275.787.000	3.461.666.667	-	5.737.453.667
Tại ngày 31/12/2012	2.335.787.000	2.653.950.000	-	4.989.737.000

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kho dự trữ Quốc gia	262.128.000	262.128.000
Dự án Phương Mai - Nhà cao tầng	2.113.446.664	2.113.446.664
Dự án Phương Mai - Văn phòng làm việc	2.900.884.000	
Dự án Đồng Văn	-	2.390.663.927
Công trình khác	358.464.000	358.464.000
	5.634.922.664	5.124.702.591

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

CÔNG TY CON	NƠI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU (%)	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT NĂM GIỮ (%)	HOẠT ĐỘNG CHÍNH
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây	Hà Nội	53,8%	53,8%	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	2.567.797.166	1.338.212.177
Trong đó:		
- Giá trị đầu tư vào Công ty liên kết	3.258.288.000	1.817.638.000
- Điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết tại 01/01/2012	(479.425.823)	(4.239.630)
- (Giảm) do thay đổi lợi nhuận chưa phân phối tại 31/12/2012	(54.388.463)	-
- Lợi nhuận từ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty liên kết	(251.362.365)	(475.186.193)
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	94.685.817	-
	2.567.797.166	1.338.212.177

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

CÔNG TY LIÊN KẾT	NƠI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU (%)	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT NĂM GIỮ (%)	HOẠT ĐỘNG CHÍNH
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	Quảng Nam	41,73%	41,73%	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tổng tài sản	14.999.824.902	21.245.536.813
Tổng công nợ	9.290.046.886	17.086.033.616
Tài sản thuần	5.709.778.016	4.159.503.197
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	2.567.797.166	1.338.212.177

THUYẾT MINH

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	NĂM 2013 VNĐ	NĂM 2012 VNĐ
Doanh thu	27.296.268.467	35.588.846.791
Lợi nhuận thuần	(602.354.098)	(378.179.746)
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	(251.362.365)	(121.660.424)

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Công ty Cổ phần Cảng Rau Quả	3.944.000.000	3.944.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.010.674.000)	(2.304.004.100)
Giá trị thuần của khoản đầu tư	2.933.326.000	1.639.995.900

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	115.569.899	87.453.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	691.637.557	1.364.277.683
Thuế thu nhập cá nhân	2.011.697.313	681.520.406
Thuế khác	934.907.904	1.119.910.631
	3.753.812.673	3.253.162.127

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải trả tiền cổ tức	435.750	252.060.000
Phải trả tiền mua giống gốc	970.720.275	1.270.720.275
Cổ phiếu thưởng ESOP	-	8.000.000
Phải trả nhân viên về tiền khoán 01	-	1.668.355.421
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.245.174.389	1.538.097.284
	5.216.330.414	4.737.232.980

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU VNĐ	THẶNG DỰ VỐN CỔ PHẦN VNĐ	CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI VNĐ	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN VNĐ	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH VNĐ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI VNĐ	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VNĐ	TỔNG CỘNG VNĐ
Số dư tại ngày 01/01/2012	82.561.610.000	54.797.592.850	1.466.948.024	28.989.455.885	5.892.458.324	40.625.569.562	-	214.333.634.645
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	77.602.978.679	-	77.602.978.679
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	16.506.370.000	-	-	-	-	(16.506.370.000)	-	-
Thưởng bằng cổ phiếu	1.230.400.000	-	-	-	-	(1.238.400.000)	-	(800.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	262.128.000	262.128.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	27.705.560.962	3.204.393.296	(30.909.954.258)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.720.959.421)	-	(5.720.959.421)
Chi cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(4.375.760.500)	-	(4.375.760.500)
Tạm trích cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(12.385.758.000)	-	(12.385.758.000)
Giảm khác	-	-	(1.466.948.024)	-	-	(575.276.803)	-	(2.042.224.827)
Số dư tại ngày 01/01/2013	100.298.380.000	54.797.592.850	-	56.695.016.847	9.096.851.620	46.516.069.259	262.128.000	267.666.038.576
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	95.460.226.306	-	95.460.226.306
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	20.431.492.707	3.916.215.973	(24.347.708.680)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.244.305.333)	-	(6.244.305.333)
Chi trả cổ tức 2012	-	-	-	-	-	(15.044.953.500)	-	(15.044.953.500)
Tạm trích cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(15.045.134.200)	-	(15.045.134.200)
Thù lao hội đồng quản trị và thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(3.718.785.475)	-	(3.718.785.475)
Giảm khác	-	9.600.001	-	-	-	(86.130.922)	-	(76.530.921)
Số dư tại ngày 31/12/2013	100.298.380.000	54.797.592.850	-	77.136.109.555	13.013.067.593	77.489.277.455	262.128.000	322.996.555.453

THUYẾT MINH

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã trích lập bổ sung các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Hội đồng quản trị và Ban điều hành do hoàn thành vượt 20% lợi nhuận kế hoạch với số tiền tương ứng là 20.431.492.707 VND, 3.916.215.973 VND, 6.244.305.333 VND và 3.718.785.475 VND từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ và Công ty con.

Theo Nghị quyết nêu trên, Công ty đã công bố chi trả cổ tức của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền 27.430.711.500 VND. Do trong năm 2012, Công ty đã thực hiện tạm trích cổ tức với số tiền 12.385.758.000 VND, nên trong năm 2013 Công ty đã chi bổ sung 15.044.953.500 VND.

Theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT-CTG ngày 10 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng Quản trị, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 15% tương đương số tiền 15.045.134.200 VND.

CỔ PHIẾU	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.029.838	10.029.838
• Cổ phiếu phổ thông	10.029.838	10.029.838
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.029.838	10.029.838
• Cổ phiếu phổ thông	10.029.838	10.029.838

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

17. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ

	VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	VND	THẮNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VND	CỔ PHIẾU QUỸ	VND	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	VND	QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH	VND	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	VND	TỔNG CỘNG	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	2.628.100.000	2.628.100.000	9.240.000	9.240.000	(1.155.000)	502.835.408	502.835.408	177.407.320	177.407.320	733.191.989	733.191.989	4.049.619.717	4.049.619.717	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	649.409.722	649.409.722	649.409.722	649.409.722	
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	96.901.693	96.901.693	30.972.067	30.972.067	(127.873.760)	(127.873.760)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(30.972.067)	(30.972.067)	(30.972.067)	(30.972.067)	
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(394.067.520)	(394.067.520)	(394.067.520)	(394.067.520)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(66.528.000)	(66.528.000)	(66.528.000)	(66.528.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2013	2.628.100.000	2.628.100.000	9.240.000	9.240.000	(1.155.000)	599.737.101	599.737.101	208.379.387	208.379.387	763.160.364	763.160.364	4.207.461.852	4.207.461.852	

18. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chủ yếu bán hàng hóa, sản phẩm là các loại giống cây trồng, việc cung cấp các dịch vụ khác có liên quan chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn cho sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ được trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20.

Các sản phẩm, hàng hóa là các loại giống cây trồng của Công ty chủ yếu được cung cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội (gồm Hà Tây cũ) và các tỉnh phía Bắc.

THUYẾT MINH

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	NĂM 2013	NĂM 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	635.919.097.904	591.021.244.848
Trong đó		
• Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm	634.311.320.615	589.310.306.934
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.607.777.289	1.710.937.914
Các khoản giảm trừ doanh thu	38.104.736.522	43.662.908.933
• Giảm giá hàng bán	717.630.612	647.078.730
• Hàng bán bị trả lại	37.387.105.910	43.015.830.203
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	597.814.361.382	547.358.335.915

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	NĂM 2013	NĂM 2012
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	362.208.523.192	347.805.406.721
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	126.270.124	594.830.969
	362.334.793.316	348.400.237.690

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	NĂM 2013	NĂM 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	416.129.188.829	380.185.127.840
Chi phí nhân công	57.723.050.929	46.547.285.854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.226.563.218	8.973.988.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.450.255.638	33.618.093.653
Chi phí khác	9.777.585.461	10.587.662.756
	479.912.159.064	514.306.644.075

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	NĂM 2013	NĂM 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.139.977.101	2.851.973.887
Cổ tức và lợi nhuận được chia	346.665.800	411.446.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	101.573.831	1.444.106.960
Doanh thu hoạt động tài chính khác	148.640.308	148.829.574
	4.736.857.040	4.856.356.421

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	NĂM 2013	NĂM 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.801.044	153.380.038
Lỗ chênh lệch tỷ giá	878.893.393	2.547.385
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(1.293.330.100)	66.666.500
	(407.635.663)	222.593.923

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	NĂM 2013	NĂM 2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	99.079.187.174	79.950.277.184
Lợi nhuận được ưu đãi thuế	86.353.665.352	75.181.327.121
Lợi nhuận được giảm thuế 30%	-	1.625.190.471
Lợi nhuận từ hoạt động không được ưu đãi	12.725.521.822	3.143.759.592
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế khác	(850.573.240)	2.630.035.708
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(950.565.800)	(1.247.753.780)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	99.992.560	3.877.789.488
Thu nhập chịu thuế	98.228.613.934	82.580.312.892
Thu nhập được ưu đãi thuế	86.353.665.352	75.181.327.121
Thu nhập chịu thuế suất 25%	11.874.948.582	5.773.795.300
Thu nhập được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.625.190.471
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.969.551.146	1.727.857.157

Theo các quy định về ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Giấy chứng nhận doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ số 03/DNKHCN ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp; và Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với kết quả sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm, hàng hoá hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ kể từ khi có thu nhập chịu thuế với điều kiện: doanh thu của các sản phẩm, hàng hoá hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ trong năm thứ nhất từ 30% tổng doanh thu trở lên, năm thứ hai từ 50% tổng doanh thu trở lên và năm thứ ba trở đi từ 70% tổng doanh thu. Năm 2013 là năm thứ ba Công ty đáp ứng được các điều kiện nêu trên. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi trong năm được xác định theo thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm, hàng hoá hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong năm tài chính 2013. Các khoản thu nhập khác chịu thuế suất 25% như quy định hiện hành.

THUYẾT MINH

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	NĂM 2013	NĂM 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	95.460.226.306	77.602.978.679
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	10.029.838	10.029.838
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	9.518	7.737

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	338.206.010	-

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà số 75 Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội theo Hợp đồng số 09/HĐ/2013 ký ngày 30 tháng 8 năm 2013 giữa Công ty và Công ty TNHH Bảo Long. Thời hạn thuê văn phòng là 15 tháng tính từ thời điểm hai bên tiến hành giao nhận diện tích cho thuê, diện tích thuê là 606,88 m², toàn bộ số tiền thuê đã được thanh toán cho Công ty TNHH Bảo Long với số tiền là 1.691.030.050 VND.

Cam kết khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính 2013, Công ty đang triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ bản Tòa nhà văn phòng làm việc tại phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Tổng giá trị đầu tư theo dự toán là 23.570.522.000 VND. Công ty đã hoàn thành các thủ tục khảo sát đo đạc, đền bù giải phóng mặt bằng với tổng chi phí đã phát sinh là 2.900.884.000 VND. Các hạng mục còn lại sẽ được thực hiện trong năm 2014 và 2015.

27. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 21 tháng 12 năm 2013, tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua các phương án sau:

- ▶ Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số lượng 5.014.919 cổ phần, giá phát hành là 65.000 VND/cổ phần.
- ▶ Phương án phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên (chương trình ESOP) với số lượng 250.243 cổ phần, giá phát hành 10.000 VND/cổ phần.
- ▶ Phương án bán 10.227 cổ phiếu quỹ cho cán bộ công nhân viên, giá bán 10.000 VND/cổ phần.

28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

- ▶ Tại Công văn số 91/CTG-CBTT ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tổng Giám đốc Công ty chính thức thông báo Công ty đã hoàn thành việc chuyển quyền sở hữu và điều chỉnh loại chứng khoán của 10.227 cổ phiếu thu hồi từ cán bộ công nhân viên thời việc làm cổ phiếu quỹ. Theo đó, số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành thay đổi từ 10.029.838 cổ phiếu xuống còn 10.019.611 cổ phiếu.
- ▶ Ngày 17 tháng 02 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 47/NQ-HĐQT- CTG, theo đó Hội đồng Quản trị thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2013 với tỷ lệ 15%, ngày chốt danh sách thực hiện quyền chi tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 2 năm 2013 thực hiện cùng với ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 35/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21 tháng 12 năm 2013 sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước thông qua.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	GIÁ TRỊ GHI SỔ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.122.278.528	49.657.164.227
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.593.095.784	107.253.047.983
Đầu tư ngắn hạn	-	3.615.030.000
Đầu tư dài hạn	2.933.326.000	1.639.995.900
TỔNG CỘNG	187.648.700.312	162.165.238.110
Công nợ tài chính		
Các khoản vay		186.968.000
Phải trả người bán và phải trả khác	60.290.253.142	69.970.114.361
Chi phí phải trả	805.930.040	1.225.234.004
TỔNG CỘNG	61.096.183.182	71.382.316.365

THUYẾT MINH

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	CÔNG NỢ		TÀI SẢN	
	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ	31/12/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	-	-	631.450.444	76.763.883
Nhân dân tệ (CNY)	41.991.883.876	51.639.584.690	144.286.934	2.146.122.477
Kíp Lào (LAK)	-	-	2.630.000	-
Đô la Singapore (SGD)	-	-	5.247.376	-
	41.991.883.876	51.639.584.690	783.614.754	2.222.886.360

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Nhân dân tệ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam giảm 5% so với đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng

Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ tăng/(giảm) các khoản tương ứng như sau:

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Nhân dân tệ (CNY)	(2.092.379.847)	(2.474.673.111)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.. ngoại trừ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảnh Rau quả bị giảm giá và Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính, các cổ phiếu khác do Công ty nắm giữ đều không có dấu hiệu bị giảm giá.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ngoại trừ các khoản phải thu khó đòi, tồn đọng lâu ngày đã được Công ty trích lập dự phòng với số tiền khoảng 2,6 tỷ VNĐ. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31/12/2013	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.122.278.528	-	54.122.278.528
Phải thu khách hàng và phải thu khác	130.593.095.784	-	130.593.095.784
Đầu tư dài hạn	-	2.933.326.000	2.933.326.000
Tổng cộng	184.715.374.312	2.933.326.000	187.648.700.312
31/12/2013	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Phải trả người bán và phải trả khác	60.290.253.142	-	60.290.253.142
Chi phí phải trả	805.930.040	-	805.930.040
Tổng cộng	61.096.183.182	-	61.096.183.182
Chênh lệch thanh khoản thuần	123.619.191.130	2.933.326.000	126.552.517.130

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2013	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.657.164.227	-	49.657.164.227
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.253.047.983	-	107.253.047.983
Đầu tư ngắn hạn	3.615.030.000	-	3.615.030.000
Đầu tư dài hạn	-	1.639.995.900	1.639.995.900
Tổng cộng	160.525.242.210	1.639.995.900	162.165.238.110
31/12/2012	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Các khoản vay	186.968.000	-	186.968.000
Phải trả người bán và phải trả khác	69.970.114.361	-	69.970.114.361
Chi phí phải trả	1.225.234.004	-	1.225.234.004
Tổng cộng	71.382.316.365	-	71.382.316.365
Chênh lệch thanh khoản thuần	89.142.925.845	1.639.995.900	90.782.921.745

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	NĂM 2013	NĂM 2012
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam Bán hàng	1.016.600.000	3.000.000
Mua hàng hóa	240.000.000	943.250.000
Nhận cổ tức	144.780.000	144.780.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	NĂM 2013	NĂM 2012
Công ty Cổ phần Giống nông lâm nghiệp Quảng Nam Các khoản phải thu	647.600.000	-
Cho vay vốn lưu động và lãi phải thu	-	3.618.030.000

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Người lập
Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng
Phan Thế Tý

Tổng Giám đốc
Trần Kim Liên



THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội Đồng Quản Trị / Ban Kiểm Soát

► Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban Kiểm Soát: Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT, Ban Kiểm Soát được trình bày chi tiết tại mục Cơ Cấu Tổ Chức.

► Danh sách nhân sự được đào tạo về quản trị công ty năm 2013:

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CHỨNG CHỈ QTCT	NGÀY CẤP
1	Nguyễn Quang Trường	Giám đốc đầu tư và quản lý dự án	17/QTCT312/QĐ-TTNC	09/12/2013
2	Phạm Trung Dũng	Thư ký HĐQT	02/QTCT3112/QĐ-TTNC	09/12/2013

Các dữ liệu thống kê về cổ phiếu

Thông tin về cổ phiếu:

Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên:	21/12/2006
Loại cổ phiếu niêm yết:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu tại ngày 31/12/2013:	10.029.838 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu Quỹ tại ngày 31/12/2013:	10.227 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng tại ngày 31/12/2013:	370.367 cổ phiếu
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 31/12/2013)	77.000 Đồng/cổ phiếu

Cổ tức năm 2013

Tổng cổ tức năm 2013 (dự kiến):	30%
Trong đó:	
Ứng Cổ tức bằng tiền mặt lần 1:	15%
Ngày thực hiện:	28/8/2013
Ngày đăng ký cuối cùng:	05/8/2013
Chi cổ tức bằng tiền mặt lần 2:	Dự kiến trong năm 2014

Cổ phiếu của Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương được niêm yết tại giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM - HOSE với mã giao dịch NSC.

Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông của công ty và tỉ lệ sở hữu của cổ đông nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo thường niên này. Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/03/2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp ngày 17/3/2014.

Phụ lục 1: Giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan:

Giao dịch cổ phiếu:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/CỔ ĐÔNG LỚN	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG GIẢM (mua, bán, thưởng, chuyển đổi,...)
			CP	%	CP	%	
1	Công ty CP Đầu tư BDS SSI (SSI REIT)	Cổ đông lớn	892.880	10,81%	469.680	4,68%	Bán cổ phiếu ngày 4/4/2013
2	Công ty TNHH NDH Việt Nam	Cổ đông lớn	39.420	0,48%	413.188	4,12%	Mua bán cổ phiếu đến ngày 22/11/2013
3	Công ty CP Xuyên Thái Bình	Cổ đông lớn	500.000	4,99%	530.660	5,3%	Mua cổ phiếu đến ngày 6/01/2014
4	Công ty CP Đầu tư Đường Mặt Trời	Cổ đông lớn	469.680	4,68%	647.566	6,5%	Giao dịch cổ phiếu
5	Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn	491.500	4,90%	904.500	9,02%	Giao dịch cổ phiếu ngày 25/12/2013
6	Ông Phạm Ngọc Lý - TVHĐQT, PTGD	Người có liên quan	55.820	0,56%	30.820	0,31%	Bán cổ phiếu đến ngày 15/11/2013
7	Ông Nguyễn Hải Thọ - Phó TGĐ	Người có liên quan	27.770	0,28%	12.770	0,1%	Bán cổ phiếu ngày 11/11/2013
8	Ông Đỗ Bá Vọng - TV HĐQT, PTGD	Người có liên quan	56.093	0,56%	31.093	0,3%	Bán cổ phiếu đến ngày 2/5/2013
9	Bà Nguyễn Thị Nụ (Vợ ông Đỗ Tiến Sỹ - TV-BKS)	Người có liên quan	19.285	0,19%	13.285	0,13%	Bán cổ phiếu đến ngày 20/3/2013
10	Bà Hoàng Tuyết Minh (Vợ ông Trần Đình Long - TV-HĐQT)	Người có liên quan	40.032	0,40%	20.032	0,20%	Bán cổ phiếu đến ngày 29/11/2013
11	Ông Đỗ Tiến Sỹ - TV BKS	Người có liên quan	64.875	0,65%	35.875	0,36%	Bán cổ phiếu đến ngày 18/4/2013

Các giao dịch khác: (Các giao dịch của Cổ đông nội bộ/ Cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty): Không có

Phụ lục 2: Cơ cấu vốn Cổ đông và tỷ lệ sở hữu đến ngày 12/3/2014:

Cơ cấu sở hữu và tỉ lệ sở hữu của cổ đông lớn tại ngày 12/3/2014 theo số liệu cập nhật của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ở mức vốn điều lệ (vốn điều lệ: 100.298.380.000 đồng):

Cơ cấu sở hữu:

STT	CÁ NHÂN/TỔ CHỨC	SỐ CỔ PHẦN	TỔNG
	Tổng cộng	10.029.838	100,0%
I	Trong nước	6.704.846	66,8%
	Cá nhân trong nước	1.481.926	14,8%
	Trong đó:		
	Cbcnv công ty	623.629	6,2%
2	Tổ chức trong nước	5.222.920	52,1%
II	Nước ngoài	3.324.992	33,2%
1	Cá nhân nước ngoài	187.409	1,9%
2	Tổ chức nước ngoài	3.137.583	31,3%

SỞ HỮU CP CỦA CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM CHỐT DANH SÁCH DỰ HỢP ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN 2014 (NGÀY CHỐT: 12/3/2014)

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	CHỨC VỤ TẠI CÔNG TY	CỔ PHIẾU SỞ HỮU		GHI CHÚ
			SỐ SỞ HỮU CUỐI KỲ	%	
I. NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN					
1	Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT, TGD	1.196.719	11,9%	(Đại diện SCIC: 1.105.416 CP + cá nhân: 91.303CP)
2	Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó CT HĐQT			Đại diện SSIAM (1.616.172 CP, 16.1%)
3	Ông Nguyễn Khắc Hải	TV HĐQT			Đại diện SSIAM (1.616.172 CP, 16.1%)
4	Ông Trần Đình Long	TV HĐQT	20.016	0,2%	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
5	Ông Đỗ Bá Vọng	TV HĐQT	31.093	0,3%	Thuởng cổ phiếu ESOP 2011 và trả cổ tức bằng cổ phiếu
6	Ông Phạm Ngọc Lý	TV HĐQT	30.820	0,3%	
7	Bà Nguyễn Thị Trà My	TV HĐQT	0	0	
8	Ông Cao Duy Hà	Trưởng BKS			Đại diện SCIC: 1.105.416 CP (11%)
9	Ông Nguyễn Khánh Quỳnh	TV. BKS			Đại diện SSIAM (1.616.172 CP, 16.1%)
10	Ông Đỗ Tiến Sỹ	TV. BKS	35.875	0,36%	
11	Ông Nguyễn Hải Thọ	Phó TGD	12.770	0,1%	Thuởng cổ phiếu ESOP 2011 và trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	Ông Phan Thế Tý	Kế toán trưởng	10.652	0,1%	
II. TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN					
1	TCT Đầu tư vốn NN SCIC	Cổ đông lớn	1.105.416	11,0%	
2	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	1.616.172	16,1%	
3	CTCP XNK Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn	904.500	9,0%	Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 904.500 CP, số lượng cổ phiếu người có liên quan nắm giữ: 525.940 CP
4	Quý VN Holding	Cổ đông lớn	957.010	9,5%	
5	CTCP đầu tư Đường mặt trời	Cổ đông lớn	665.276	6,6%	
6	CTCP Xuyên Thái Bình	Cổ đông lớn, người có liên quan	530.660	5,3%	

- Công ty TNHH NDH Việt Nam ngày 18/2/2013 đã mua 391.120 CP, nâng số cổ phiếu sở hữu sau khi thực hiện giao dịch lên 430.540 CP (tương đương 5,21% số CP đang lưu hành) và trở thành cổ đông lớn của NSC. Từ ngày 28/6/2013, công ty TNHH NDH Việt Nam sở hữu 811.278 cổ phiếu, tương đương 8,09% số CP đang lưu hành. Từ ngày 11/11/2013 NDH sở hữu 904.688 CP (9.02%). Ngày 22/11/2013, NDH đã bán 491.500 CP, số CP nắm giữ sau khi bán: 413.188 CP (4.12%) nên NDH không còn là cổ đông lớn của NSC từ ngày 22/11/2013.
- Công ty cổ phần XNK Thủy sản Bến Tre ngày 25/12/2013 đã mua 413.000 CP, nâng số cổ phiếu sở hữu sau khi thực hiện giao dịch: 904.500 CP (9.02%) trở thành cổ đông lớn của NSC, số lượng cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ: 525.940 CP. Tổng số cổ phiếu cùng người có liên quan nắm giữ: 1.430.440 CP (14.26%).
- Công ty cổ phần Đầu tư Đường Mặt Trời ngày 23/04/2013 giao dịch nâng tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ từ 469.680 CP lên 665.276 CP (6.6%) và trở thành cổ đông lớn của NSC.
- Công ty CP Đầu tư bất động sản SSI (SSI REIT) ngày 04/4/2013 đã thực hiện giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu từ 892.880 CP xuống còn 469.680 CP, tương đương 4.68% nên không còn là cổ đông lớn của NSC.
- Công ty CP Xuyên Thái Bình ngày 9/12/2013 đã thực hiện giao dịch nâng tỷ lệ sở hữu từ 500.000 CP (4,98%) lên 513.110 CP tương đương tỷ lệ 5.12% và trở thành cổ đông lớn của NSC. Hiện nay công ty CP Xuyên Thái Bình đang sở hữu 530.660 CP (5.3%) của NSC.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp:	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương
Tên tiếng Anh:	Viet Nam National Seed Corporation
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:	0101669271 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 6/2/2004. Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 21/1/2013
Đại diện theo pháp luật:	Bà Trần Kim Liên - Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc công ty.
Ngày thành lập:	14/11/1968
Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2013):	100.298.380.000 đồng
Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12/2013):	322.996.555.452 đồng.
Tổng số nhân viên (tại 31/12/2013):	310 người.
Trụ sở chính:	Số 01 Lương Định Của, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

Địa chỉ:	Số 1 - Lương Định Của - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội.
Số điện thoại:	(84)-4-38523294
Số fax:	(84)-4-38527996
Website:	http://www.vinaseed.com.vn

